

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC**



EVNFINANCE

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

*Sửa đổi lần 3
Hà Nội, tháng 4 năm 2014*

PHẦN MỞ ĐẦU

Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (dưới đây gọi tắt là Công ty Tài chính Điện lực) là một công ty cổ phần được thành lập phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật các tổ chức tín dụng. Công ty Tài chính Điện lực được thực hiện hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác có liên quan theo quy định của pháp luật vì mục tiêu lợi nhuận, góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế của Nhà nước. Tổ chức và hoạt động của Công ty Tài chính Điện lực được thực hiện theo Điều lệ này, các quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan.

Điều lệ này được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông của Công ty Tài chính Điện lực tại phiên họp ngày 25 tháng 4 năm 2014.

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1- Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:.

- a) “Việt Nam” là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- b) “Pháp luật” là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, quy định, thông tư, quyết định và các văn bản quy phạm pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến các hoạt động Công ty Tài chính Điện lực.
- c) “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.
- d) “Luật các tổ chức tín dụng” là Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16 tháng 06 năm 2010
- e) “Địa bàn kinh doanh” là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài được ghi trong giấy phép của Ngân hàng Nhà nước.
- f) “Ngân hàng Nhà nước” có nghĩa là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- g) “Tập đoàn Điện lực Việt Nam” là Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam, có tư cách pháp nhân, được tổ chức dưới hình thức Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 975/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.
- h) “Ngày thành lập” là ngày Công ty Tài chính Điện lực được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sau khi Ngân hàng Nhà nước ký quyết định cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.

- i) “Thời hạn hoạt động” là thời gian Công ty Tài chính Điện lực được tiến hành các hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật, kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước cấp giấy phép thành lập và hoạt động. Công ty Tài chính Điện lực có thể được gia hạn thời hạn hoạt động trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.
- j) “Vốn pháp định” là vốn tối thiểu theo yêu cầu của pháp luật để thành lập Công ty Tài chính Điện lực.
- k) “Vốn Điều lệ” là vốn do tất cả các Cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 10 của Điều lệ này.
- l) “Cổ phần” là vốn Điều lệ được chia thành các phần bằng nhau.
- m) “Cổ phiếu” là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Công ty Tài chính Điện lực.
- n) “Cổ đông” là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty Tài chính Điện lực.
- o) “Cổ đông sáng lập” là cổ đông tham gia vận động thành lập, xây dựng và ký tên thông qua bản Điều lệ đầu tiên của Công ty Tài chính Điện lực. Cổ đông sáng lập phải đảm bảo các tiêu chí theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt nam.
- p) “Cổ đông lớn” là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Công ty Tài chính Điện lực.
- q) “Sổ đăng ký cổ đông” là một tài liệu bằng văn bản, tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
- r) “Cổ tức” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty Tài chính Điện lực sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.
- s) “Hội đồng Quản trị” là Hội đồng Quản trị của Công ty Tài chính Điện lực.
- t) “Người quản lý” của Công ty Tài chính Điện lực bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.
- u) “Người điều hành” của Công ty Tài chính Điện lực bao gồm: Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh.
- v) “Người có liên quan” là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty Tài chính Điện lực thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - i. Công ty Tài chính Điện lực với công ty con của Công ty Tài chính Điện lực và ngược lại; các công ty con của Công ty Tài chính Điện lực với nhau; người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Công ty Tài chính Điện lực, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này với công ty con và ngược lại;
 - ii. Công ty Tài chính Điện lực với người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Công ty Tài chính Điện lực hoặc với công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại;

- iii. Công ty Tài chính Điện lực với tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại Công ty Tài chính Điện lực và ngược lại;
 - iv. Cá nhân với vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của người này;
 - v. Công ty Tài chính Điện lực với cá nhân theo quy định tại tiết iv điểm v, khoản này của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Công ty Tài chính Điện lực và ngược lại;
 - vi. Cá nhân được ủy quyền đại diện cho tổ chức, cá nhân quy định tại các tiết i, ii, iii, iv và v khoản này với tổ chức, cá nhân ủy quyền; các cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp của cùng một tổ chức với nhau
- w) “Công ty con” của Công ty Tài chính Điện lực là công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây:
- i. Công ty Tài chính Điện lực hoặc Công ty Tài chính Điện lực và người có liên quan của Công ty Tài chính Điện lực sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc trên 50% vốn cổ phần có quyền biểu quyết;
 - ii. Công ty Tài chính Điện lực có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Tổng giám đốc (Giám đốc) của công ty con;
 - iii. Công ty Tài chính Điện lực có quyền sửa đổi, bổ sung điều lệ của công ty con;
 - iv. Công ty Tài chính Điện lực và người có liên quan của Công ty Tài chính Điện lực trực tiếp hay gián tiếp kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của công ty con.
- 2- Trong Điều lệ này, bất kỳ dẫn chiếu nào tới bất cứ quy định hoặc văn bản pháp luật nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản pháp luật thay thế của chúng.
- 3- Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới cấu trúc của Điều lệ này.
- 4- Các từ ngữ, thuật ngữ, khái niệm chưa được định nghĩa trong Điều lệ này sẽ được hiểu theo các quy định của pháp luật có liên quan đã được định nghĩa trong Luật doanh nghiệp và Luật các tổ chức tín dụng (nếu không mâu thuẫn với chủ thể và ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TÀI CHÍNH ĐIỆN LỰC

Điều 2. Tên, địa chỉ và thời gian hoạt động của Công ty Tài chính Điện lực

- 1- Tên gọi
 - a) Tên Công ty bằng tiếng Việt là “CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC”.
 - b) Tên Công ty bằng tiếng Anh là “EVN FINANCE JOINT STOCK COMPANY”.
 - c) Tên viết tắt là “EVNFINANCE”
- 2- Trụ sở đăng ký của Công ty là:

Địa chỉ : 434 Trần Khát Chân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.
Điện thoại: (84-4) 22229999
Fax : (84 -4) 22221999
Email :
Trang Web: www.evnfc.vn và www.taichinhdienluc.vn
- 3- Vốn Điều lệ : 2.500.000.000.000 VND (Hai nghìn năm trăm tỷ đồng)
- 4- Công ty Tài chính Điện lực có con dấu riêng và tài khoản riêng mở tại Ngân hàng Nhà nước, các Ngân hàng trong nước và nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà Nước.
- 6- Công ty Tài chính Điện lực có thể thành lập công ty con theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện theo nghị quyết của Hội đồng quản trị, sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận, để hỗ trợ các mục tiêu hoạt động của Công ty Tài chính Điện lực .
- 7- Bảng cân đối tài sản và các quỹ theo quy định của pháp luật;
- 8- Thời hạn hoạt động: 50 năm kể từ ngày Ngân hàng Nhà Nước cấp giấy phép thành lập và hoạt động.

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHẠM VI KINH DOANH CỦA CÔNG TY TÀI CHÍNH ĐIỆN LỰC

Điều 3. Mục tiêu và ngành, nghề kinh doanh của Công ty Tài chính Điện lực

- 1- Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh của Công ty Tài chính Điện lực là hoạt động Tài chính - Ngân hàng được quy định theo luật các tổ chức tín dụng.
- 2- Mục tiêu của Công ty Tài chính Điện lực:
 - a) Xây dựng Công ty Tài chính Điện lực thành một định chế tài chính thực hiện chức năng cung cấp các sản phẩm dịch vụ tài chính đa năng và hiện đại.
 - b) Xây dựng Công ty Tài chính Điện lực thành đơn vị có khả năng hợp tác, hội nhập với các tổ chức tài chính trong nước và quốc tế để tạo lập vốn cho đầu tư,

quản trị vốn đầu tư, hoạt động trên thị trường vốn, tiền tệ.

- c) Xây dựng Công ty Tài chính Điện lực hoạt động an toàn và hiệu quả.
- 3- Nếu bất kỳ lĩnh vực kinh doanh hoặc mục tiêu nào cần phải có sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền thì Công ty Tài chính Điện lực chỉ được triển khai thực hiện sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và được sự chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 4. Hoạt động ngân hàng của Công ty Tài chính Điện lực

- 1- Nhận tiền gửi của tổ chức;
- 2- Phát hành chứng chi tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn của tổ chức;
- 3- Vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật; vay Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- 4- Cho vay, bao gồm cả cho vay trả góp, cho vay tiêu dùng;
- 5- Bảo lãnh ngân hàng;
- 6- Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng, các giấy tờ có giá khác;
- 7- Bao thanh toán;
- 8- Phát hành thẻ tín dụng, cho thuê tài chính và các hình thức cấp tín dụng khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

Điều 5. Mở tài khoản của Công ty Tài chính Điện lực

- 1- Công ty Tài chính Điện lực phải mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước và duy trì trên tài khoản tiền gửi này số dư bình quân không thấp hơn mức dự trữ bắt buộc.
- 2- Công ty Tài chính Điện lực được mở tài khoản thanh toán tại ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
- 3- Công ty Tài chính Điện lực được phép thực hiện hoạt động phát hành thẻ tín dụng được mở tài khoản tại ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.
- 4- Công ty Tài chính Điện lực được mở tài khoản tiền gửi, tài khoản quản lý tiền vay cho khách hàng.

Điều 6. Góp vốn, mua cổ phần của Công ty Tài chính Điện lực

- 1- Công ty Tài chính Điện lực chỉ được dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần theo quy định sau:
 - a) Được góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, quỹ đầu tư;
 - b) Được thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, chứng khoán, quản lý tài sản bảo đảm sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.
- 2- Điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận việc thành lập công ty con, công ty liên kết của Công ty Tài chính Điện lực do Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể.
- 3- Điều kiện, trình tự, thủ tục thành lập công ty con, công ty liên kết của Công ty Tài chính Điện lực thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 7. Các hoạt động kinh doanh khác của Công ty Tài chính Điện lực

- 1- Tiếp nhận vốn ủy thác của Chính phủ, tổ chức, cá nhân để thực hiện các hoạt động đầu tư vào các dự án sản xuất, kinh doanh, cấp tín dụng được phép; ủy thác vốn cho tổ chức tín dụng thực hiện cấp tín dụng. Việc tiếp nhận vốn ủy thác của cá nhân và ủy thác vốn cho các tổ chức tín dụng cấp tín dụng thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
- 2- Tham gia thị trường tiền tệ theo quy định tại Điều 104 của Luật các tổ chức tín dụng.
- 3- Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.
- 4- Bảo lãnh phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp; đại lý phát hành trái phiếu, cổ phiếu và các loại giấy tờ có giá khác.
- 5- Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
- 6- Làm đại lý kinh doanh bảo hiểm.
- 7- Cung ứng dịch vụ tư vấn trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, đầu tư.
- 8- Cung ứng dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản của khách hàng.
- 9- Thu xếp vốn đầu tư các dự án, đàm phán ký kết hợp đồng vay vốn trong và ngoài nước cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam, các đơn vị thành viên của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các tổ chức, cá nhân khác theo hợp đồng.
- 10- Quản lý vốn của các đơn vị thành viên Tập đoàn Điện lực Việt nam.
- 11- Thực hiện dịch vụ thu và phát tiền mặt cho khách hàng.
- 12- Tư vấn và phát triển các dự án cơ chế phát triển sạch (CDM), giảm phát thải.
- 13- Tư vấn, hỗ trợ mua bán chứng chỉ giảm phát thải khí nhà kính được chứng nhận.
- 14- Các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Xét duyệt cho vay, kiểm tra và xử lý

- 1- Công ty Tài chính Điện lực được quyền yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu chứng minh phương án kinh doanh khả thi, khả năng tài chính của mình và của người bảo lãnh trước khi quyết định cho vay; có quyền chấm dứt việc cho vay, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm hợp đồng tín dụng.
- 2- Công ty Tài chính Điện lực có quyền xử lý tài sản bảo đảm tiền vay của khách hàng vay, tài sản của người bảo lãnh trong việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh để thu hồi nợ theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về bảo đảm tiền vay của các tổ chức tín dụng; khởi kiện khách hàng vi phạm hợp đồng tín dụng và người bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ bảo lãnh theo quy định của pháp luật.
- 3- Công ty Tài chính Điện lực được quyền miễn, giảm lãi suất cho vay, phí dịch vụ; gia hạn nợ; mua bán nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 9. Đảm bảo an toàn

Trong quá trình hoạt động, Công ty Tài chính Điện lực tuân thủ các quy định về bảo đảm an toàn theo quy định tại Chương VI của Luật các tổ chức tín dụng và theo quy định của Ngân hàng Nhà nước; thực hiện phân loại tài sản “có” và trích lập dự phòng rủi ro để xử lý các rủi ro trong hoạt động Công ty Tài chính Điện lực theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ VÀ VỐN HOẠT ĐỘNG

Điều 10. Vốn Điều lệ

- 1- Vốn Điều lệ của Công ty Tài chính Điện lực được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VNĐ)
- 2- Vốn Điều lệ của Công ty Tài chính Điện lực là 2.500.000.000.000 đồng Việt Nam (Hai nghìn năm trăm tỷ đồng Việt Nam). Vốn Điều lệ này được chia thành 250.000.000 cổ phần (hai trăm năm mươi triệu cổ phần) với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần (mười nghìn đồng trên một cổ phần).
- 3- Công ty Tài chính Điện lực đảm bảo mức vốn Điều lệ thực có không thấp hơn mức vốn pháp định theo quy định của pháp luật.
- 4- Công ty Tài chính Điện lực không sử dụng vốn Điều lệ và các quỹ để mua cổ phần, góp vốn với các cổ đông của chính Công ty Tài chính Điện lực.
- 5- Vốn Điều lệ được sử dụng vào các mục đích:

- a) Mua, đầu tư vào tài sản cố định của Công ty Tài chính Điện lực không quá tỷ lệ quy định của Ngân hàng Nhà nước.
- b) Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;
- c) Thành lập Công ty con theo quy định của pháp luật;
- d) Cho vay;
- e) Kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Thay đổi vốn Điều lệ

- 1- Việc thay đổi (tăng hoặc giảm) vốn Điều lệ của Công ty Tài chính Điện lực phải được thực hiện trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi thay đổi vốn Điều lệ theo đúng quy định pháp luật hiện hành.
- 2- Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin chấp thuận thay đổi vốn Điều lệ thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
- 3- Sau khi đã thay đổi vốn Điều lệ theo văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước, Công ty Tài chính Điện lực phải đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về vốn Điều lệ mới và gửi văn bản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận số vốn Điều lệ đã được đăng ký (bản sao có xác nhận của cơ quan công chứng Nhà nước) cho Ngân hàng Nhà nước, đồng thời phải đăng báo Trung ương, địa phương theo quy định của pháp luật về số vốn Điều lệ mới.
- 4- Hội đồng Quản trị Công ty Tài chính Điện lực phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thẩm định hồ sơ, thủ tục, điều kiện để chấp thuận cho cổ đông góp vốn theo các yêu cầu quy định của Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ của Công ty Tài chính Điện lực.

Điều 12. Vốn hoạt động của Công ty Tài chính Điện lực

Vốn hoạt động của Công ty Tài chính Điện lực gồm các nguồn sau:

- 1- Vốn Điều lệ của Công ty Tài chính Điện lực;
- 2- Các khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản, chênh lệch tỷ giá;
- 3- Các quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều lệ, quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và các quỹ khác theo quy định của pháp luật;
- 4- Vốn huy động theo các hình thức quy định của pháp luật;
- 5- Lợi nhuận được để lại chưa phân bổ;
- 6- Vốn tài trợ, vốn ủy thác đầu tư để cho vay theo các chương trình, dự án có mục tiêu riêng của Chính phủ giao;
- 7- Các loại vốn khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V. CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU

Điều 13. Cổ phần, cổ đông

- 1- Công ty Tài chính Điện lực phải có ít nhất 100 cổ đông. Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực có 03 cổ đông sáng lập chiếm 50,2% (năm mươi phẩy hai phần trăm) vốn Điều lệ bao gồm: Tập đoàn Điện lực Việt Nam chiếm 40% (bốn mươi phần trăm) vốn Điều lệ; Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình chiếm 8,4% (tám phẩy tư phần trăm) vốn Điều lệ; Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh chiếm 1,8% (một phẩy tám phần trăm) vốn Điều lệ; và các cổ đông phổ thông khác là các tổ chức và thể nhân chiếm 49,8% (bốn chín phẩy tám phần trăm) vốn Điều lệ.

Tổ chức, cá nhân nước ngoài chỉ được mua cổ phần của Công ty Tài chính Điện lực khi được Ngân hàng Nhà nước cho phép.
- 2- Công ty Tài chính Điện lực có cổ phần phổ thông, người sở hữu cổ phần phổ thông gọi là cổ đông phổ thông.
- 3- Cổ phần của Công ty Tài chính Điện lực có thể được mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản khác được quy định tại Điều lệ của Công ty Tài chính Điện lực và theo các quy định của pháp luật.
- 4- Trường hợp góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản khác không phải là tiền Việt Nam, vàng thì phải là những tài sản cần thiết phục vụ trực tiếp cho hoạt động của Công ty Tài chính Điện lực và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Việc định giá và chuyển quyền sử dụng đất và quyền sở hữu các tài sản này được thực hiện theo quy định tại Điều 29, Điều 30 Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan.
- 5- Hội đồng Quản trị Công ty Tài chính Điện lực quyết định giá chào bán cổ phần. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá trị sổ sách tại thời điểm chào bán.

Điều 14. Giới hạn sở hữu cổ phần

- 1- Một cổ đông là cá nhân không được sở hữu vượt quá 5% (năm phần trăm) vốn Điều lệ của Công ty Tài chính Điện lực;
- 2- Một cổ đông là tổ chức không được sở hữu vượt quá 15% (mười lăm phần trăm) vốn Điều lệ của Công ty Tài chính Điện lực, trừ các trường hợp sau đây:
 - a) Sở hữu cổ phần theo quy định tại khoản 3 Điều 149 của Luật các tổ chức tín dụng để xử lý Công ty Tài chính Điện lực gặp khó khăn, bảo đảm an toàn hệ thống Công ty Tài chính Điện lực;
 - b) Sở hữu cổ phần nhà nước tại Công ty Tài chính Điện lực;
 - c) Sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật các Tổ chức Tín dụng.

- 3- Một cổ đông và những người có liên quan của cổ đông đó được sở hữu tối đa 20% (hai mươi phần trăm) vốn Điều lệ của Công ty Tài chính Điện lực;
- 4- Tỷ lệ sở hữu tại các khoản 1, 2, 3 Điều này bao gồm cả phần vốn ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần.
- 5- Một Tập đoàn hoặc Tổng công ty (có vốn Điều lệ trên 1000 tỷ đồng (Một nghìn tỷ đồng)) và những người có liên quan được tham gia với tư cách là cổ đông sáng lập và được sở hữu tối đa 40% (bốn mươi phần trăm) vốn Điều lệ của Công ty Tài chính Điện lực nếu Tập đoàn hoặc Tổng công ty được Thủ tướng Chính phủ cho phép tham gia góp vốn thành lập Công ty Tài chính Điện lực và Tập đoàn hoặc Tổng công ty có cam kết hỗ trợ toàn diện, chịu trách nhiệm cùng Công ty Tài chính Điện lực về các rủi ro trong hoạt động sau khi thành lập.
- 6- Trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày được cấp Giấy phép, các cổ đông sáng lập phải cùng nhau sở hữu tối thiểu 50% (năm mươi phần trăm) vốn Điều lệ của Công ty Tài chính Điện lực, trong đó các cổ đông sáng lập là tổ chức phải cùng nhau sở hữu tối thiểu 50% (năm mươi phần trăm) tổng số cổ phần của các cổ đông sáng lập.

Điều 15. Cổ phiếu

- 1- Cổ phiếu của Công ty Tài chính Điện lực bao gồm các thông tin chủ yếu sau:
 - a) Tên, trụ sở chính của Công ty Tài chính Điện lực;
 - b) Số và ngày cấp giấy phép thành lập và hoạt động;
 - c) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
 - d) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
 - e) Tên cổ đông (đối với cổ phiếu có ghi tên);
 - f) Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phiếu;
 - g) Chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty Tài chính Điện lực;
 - h) Số đăng ký tại Sở đăng ký cổ đông và ngày phát hành cổ phiếu;
- 2- Mỗi cổ đông sẽ được Công ty Tài chính Điện lực cấp cổ phiếu hoặc giấy xác nhận sở hữu cổ phần theo từng loại cổ phần để ghi nhận số vốn góp.
- 3- Mỗi cổ phiếu được cấp phát đều được ghi nhận loại cổ phần phổ thông.
- 4- Theo các quy định của Điều lệ này, bất kỳ người nào có tên ghi trong Sổ đăng ký cổ đông liên quan đến bất kỳ loại cổ phần nào, sẽ được cấp một giấy xác nhận sở hữu cổ phần sau khi mua hoặc nhận cổ phần chuyển nhượng trong vòng 30 (ba mươi) ngày (hoặc thời hạn lâu hơn theo quy định của điều khoản phát hành hoặc của Hội đồng Quản trị về việc chuyển nhượng). Các cổ phần do thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và các cổ đông lớn, cổ đông sáng lập và cổ đông nước ngoài nắm giữ phải được đăng ký.

- 5- Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần đã đăng ký trong một cổ phiếu, cổ phiếu cũ sẽ bị hủy bỏ và một cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp.
- 6- Công ty Tài chính Điện lực có thể quản lý cổ phiếu hộ cổ đông hoặc cấp cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông. Trường hợp cổ phiếu có ghi tên bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, cổ đông phải báo ngay và đề nghị Công ty Tài chính Điện lực cấp lại cổ phiếu khác và phải trả phí theo quy định của Công ty Tài chính Điện lực.
- 7- Người nắm giữ cổ phiếu không ghi tên chịu trách nhiệm duy nhất trong việc quản lý an toàn cổ phiếu và Công ty Tài chính Điện lực sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào về việc mất hoặc sử dụng cổ phiếu gian lận.
- 8- Cổ phiếu của Công ty Tài chính Điện lực không được dùng để cầm cố tại chính Công ty Tài chính Điện lực.
- 9- Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày khai trương hoạt động hoặc từ ngày cổ đông thanh toán đủ cổ phần cam kết mua khi Công ty Tài chính Điện lực tăng vốn Điều lệ thì Công ty Tài chính Điện lực phải phát hành cổ phiếu mới cho các cổ đông.

Điều 16. Chào bán, chuyển nhượng và mua lại cổ phần

- 1- Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Công ty Tài chính Điện lực không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ.
- 2- Trong thời gian đang xử lý hậu quả theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước do trách nhiệm cá nhân, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần, trừ một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc là đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật;
 - b) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc bị buộc chuyển nhượng cổ phần theo quyết định của Tòa án;
 - c) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc chuyển nhượng cổ phần cho các nhà đầu tư khác nhằm thực hiện việc sáp nhập, hợp nhất bắt buộc quy định tại khoản 2 Điều 149 của Luật các tổ chức tín dụng.
- 3- Việc chuyển nhượng cổ phần niêm yết của Công ty Tài chính Điện lực được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
- 4- Trong thời hạn 05 (năm) năm, kể từ ngày được cấp Giấy phép, cổ đông sáng lập chỉ được phép chuyển nhượng cổ phần cho các cổ đông sáng lập khác với điều kiện bảo đảm các tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại Điều 14 của Điều lệ này.
- 5- Công ty Tài chính Điện lực chỉ được mua lại cổ phần của cổ đông nếu sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại mà vẫn bảo đảm các tỷ lệ an toàn trong

hoạt động ngân hàng, giá trị thực của vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn pháp định; trường hợp mua lại cổ phần dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của Công ty Tài chính Điện lực thì phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận trước bằng văn bản.

CHƯƠNG VI. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ

Điều 17. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty Tài chính Điện lực bao gồm:

- a) Đại hội đồng cổ đông;
- b) Hội đồng Quản trị;
- c) Ban Kiểm soát;
- d) Tổng Giám đốc.

CHƯƠNG VII. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 18. Sổ đăng ký cổ đông

- 1- Công ty Tài chính Điện lực phải lập và lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp giấy phép thành lập và hoạt động. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau:
 - a) Tên, trụ sở của Công ty Tài chính Điện lực;
 - b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Diễn biến tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
 - d) Tên cổ đông, địa chỉ, số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, tổng số cổ phần của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
- 2- Sổ đăng ký cổ đông phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty Tài chính Điện lực hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán và được báo cáo Ngân hàng Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Quyền hạn của cổ đông

- 1- Cổ đông là những người chủ sở hữu của Công ty Tài chính Điện lực và có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu.
- 2- Người sở hữu cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - a) Tham dự và phát biểu ý kiến trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.
 - b) Được nhận cổ tức theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Được ưu tiên mua cổ phần mới khi Công ty Tài chính Điện lực tăng vốn Điều lệ theo tỷ lệ số cổ phần hiện có của mỗi cổ đông. Việc chào bán cổ phần mới được thực hiện bằng thông báo chào bán có nêu số cổ phần chào bán và thời gian chấp nhận mua (không dưới 15 (mười lăm) ngày). Trường hợp cổ đông không chấp nhận mua cổ phần mới, Hội đồng Quản trị được quyền chào bán số cổ phần mới đó cho những người thích hợp khác theo những điều kiện và cách thức phù hợp nhưng không được thuận lợi hơn những điều kiện trước đó đã chào cho cổ đông;
 - d) Được chuyển nhượng cổ phần theo quy định trong Điều lệ của Công ty Tài chính Điện lực, phù hợp với các quy định của pháp luật;
 - e) Được nhận thông tin về tình hình hoạt động của Công ty Tài chính Điện lực theo quy định tại Điều lệ của Công ty Tài chính Điện lực;
 - f) Được ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền không được ứng cử với tư cách của chính mình;
 - g) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác;
 - h) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ của Công ty Tài chính Điện lực, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
 - i) Khi Công ty Tài chính Điện lực giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần các tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vào Công ty Tài chính Điện lực theo quy định của pháp luật về giải thể, phá sản;
 - j) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty Tài chính Điện lực.
- 3- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng theo quy định của Điều lệ của Công ty Tài chính Điện lực có thêm các quyền sau:
 - a) Đề cử người vào Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát (nếu có);

- b) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;
 - c) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 79, Luật doanh nghiệp;
 - d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.
- 4- Cổ đông sáng lập có các quyền sau:
- a) Trong 5 (năm) năm kể từ ngày Công ty Tài chính Điện lực được cấp giấy phép thành lập, các cổ đông sáng lập không được chuyển nhượng số cổ phần phổ thông, phải cùng nhau sở hữu tối thiểu 50% (năm mươi phần trăm) vốn Điều lệ của Công ty Tài chính Điện lực.
 - b) Sau thời hạn 5 (năm) năm, các hạn chế quy định tại điểm a khoản này đối với cổ đông sáng lập đều bãi bỏ.

Điều 20. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông

- 1- Cổ đông có các nghĩa vụ sau:
- a) Thanh toán đủ số cổ phần đã cam kết mua trong thời hạn do Công ty Tài chính Điện lực quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty Tài chính Điện lực trong phạm vi vốn cổ phần đã góp vào Công ty Tài chính Điện lực;
 - b) Không được rút vốn cổ phần đã góp ra khỏi Công ty Tài chính Điện lực dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của Công ty Tài chính Điện lực;
 - c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp, mua cổ phần tại Công ty Tài chính Điện lực;
 - d) Tuân thủ Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty Tài chính Điện lực;
 - e) Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - f) Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty Tài chính Điện lực dưới mọi hình thức để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

- g) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
- 2- Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp cho Công ty Tài chính Điện lực thông tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư trong Công ty Tài chính Điện lực. Công ty Tài chính Điện lực có quyền đình chỉ quyền cổ đông của các cổ đông này trong trường hợp phát hiện họ không cung cấp thông tin xác thực về chủ sở hữu thực sự các cổ phần.

Điều 21. Đại hội đồng cổ đông thường niên

- 1- Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty Tài chính Điện lực và tất cả các cổ đông có tên trong danh sách đăng ký cổ đông đều có quyền tham dự. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- 2- Đại hội đồng cổ đông thường niên được Hội đồng Quản trị triệu tập và tổ chức tại Việt Nam; địa điểm cụ thể do Hội đồng Quản trị quyết định căn cứ vào tình hình thực tế. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được luật pháp và Điều lệ này quy định. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên để tư vấn việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

Điều 22. Đại hội đồng cổ đông bất thường

- 1- Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc lấy ý kiến bằng văn bản trong các trường hợp sau:
- a) Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty Tài chính Điện lực;
 - b) Khi số thành viên của Hội đồng Quản trị nhỏ hơn hai phần ba tổng số thành viên quy định của Điều lệ của Công ty Tài chính Điện lực hoặc không có đủ số thành viên tối thiểu theo quy định của Điều lệ của Công ty Tài chính Điện lực;
 - c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng theo quy định tại Điều lệ của Công ty Tài chính Điện lực yêu cầu triệu tập đại hội bằng một văn bản kiến nghị nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp (văn bản kiến nghị cần có chữ ký của các cổ đông có liên quan);
 - d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;
 - e) Theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước nếu xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của Công ty Tài chính Điện lực.
- 2- Hội đồng Quản trị phải triệu tập một cuộc họp các cổ đông trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được một trong các yêu cầu hoặc ngày xảy ra một trong các sự kiện nêu tại khoản 1 Điều này.
- 3- Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Ban Kiểm soát sẽ triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật.

- 4- Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm c khoản 1 của Điều này có quyền thay thế Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát sẽ triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật. Tất cả các chi phí cần thiết để triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông bất thường sẽ do Công ty Tài chính Điện lực thanh toán, vì mục đích rõ ràng, các chi phí đó sẽ không bao gồm chi phí mà cổ đông phải chịu để tham dự Đại hội đồng cổ đông, như chi phí ăn ở và đi lại và các chi phí liên quan khác.

Điều 23. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

- 1- Đại hội đồng cổ đông có nhiệm vụ và quyền hạn:
- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty Tài chính Điện lực;
 - b) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ này;
 - c) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm, phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty Tài chính Điện lực;
 - d) Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;
 - e) Quyết định thành lập công ty con;
 - f) Quyết định việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Công ty Tài chính Điện lực;
 - g) Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành của Công ty Tài chính Điện lực tại Điều 56 của Điều lệ này;
 - h) Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của Công ty Tài chính Điện lực ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - i) Quyết định mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - j) Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của Công ty Tài chính Điện lực ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - k) Thông qua các hợp đồng có giá trị trên 20% vốn điều lệ của Công ty Tài chính Điện lực ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Công ty Tài chính Điện lực với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của

người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn; công ty con, công ty liên kết của Công ty Tài chính Điện lực;

- l) Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;
 - m) Thông qua việc mua lại cổ phần đã bán;
 - n) Quyết định giải pháp khắc phục các biến động lớn về Tài chính của Công ty Tài chính Điện lực
 - o) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Điều lệ Công ty Tài chính Điện lực;
 - p) Xem xét sai phạm và quyết định hình thức xử lý các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho cổ đông và Công ty Tài chính Điện lực;
 - q) Phê chuẩn quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - r) Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi;
 - s) Các quyền và nhiệm vụ khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
- 2- Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về:
- a) Bất kỳ hợp đồng nào mà cổ đông đó hoặc một người có liên quan của cổ đông đó là một bên của hợp đồng; hoặc
 - b) Bất kỳ việc mua cổ phiếu nào từ cổ đông đó hoặc bất kỳ người có liên quan của cổ đông đó; hoặc
 - c) Việc chuyển nhượng cổ phần trong 05 (năm) năm đầu (của cổ đông sáng lập) như được quy định tại Điều 16 của Điều lệ này.
- 3- Đại hội đồng cổ đông phải thảo luận và biểu quyết thông qua các quyết định về các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp.

Điều 24. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

- 1- Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty Tài chính Điện lực. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập khi có quyết định triệu tập và phải lập xong chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông.
- 2- Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ tên, địa chỉ thường trú đối với cá nhân; tên, trụ sở đối với tổ chức; số lượng cổ phần mỗi loại của từng cổ đông.

- 3- Mỗi cổ đông đều có quyền được cung cấp các thông tin liên quan đến mình được ghi trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.
- 4- Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.
- 5- Cổ đông có quyền yêu cầu người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 25. Ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

- 1- Cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông không được ủy quyền tiếp cho một người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông và không được tham gia ứng cử với tư cách cá nhân mình. Trường hợp cổ đông là tổ chức có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền tối đa ba người tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.
- 2- Việc ủy quyền cho một người khác được họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm quy định cụ thể nội dung cần thiết trong văn bản ủy quyền, nhưng phải có các yếu tố sau:
 - a) Trường hợp cổ đông là thể nhân thì văn bản ủy quyền phải ghi rõ: Họ tên người ủy quyền, địa chỉ thường trú, số chứng minh thư nhân dân, số cổ phần và loại cổ phần đang sở hữu, nội dung và mục đích ủy quyền; họ tên người được ủy quyền, địa chỉ thường trú và số chứng minh thư nhân dân của người được ủy quyền; người ủy quyền và người được ủy quyền phải ký tên và ghi rõ họ tên của mình. Văn bản ủy quyền phải theo quy định của Công ty Tài chính Điện lực.
 - b) Trường hợp cổ đông là pháp nhân thì văn bản ủy quyền phải ghi rõ: Tên pháp nhân, địa chỉ pháp nhân, họ tên và số chứng minh nhân dân của người ủy quyền (người đại diện số vốn góp cổ phần của pháp nhân), số cổ phần và loại cổ phần đang sở hữu, nội dung và mục đích ủy quyền; họ tên người được ủy quyền, địa chỉ thường trú và số chứng minh thư nhân dân của người được ủy quyền; Người ủy quyền phải ký tên và ghi rõ họ tên của mình và đóng dấu của pháp nhân. Trường hợp chữ ký của người ủy quyền chưa có thẩm quyền được đóng dấu pháp nhân thì phải được đại diện có đủ thẩm quyền của pháp nhân ký tên, đóng dấu để xác nhận đó là chữ ký của người ủy quyền. Người được ủy quyền phải ký tên và ghi rõ họ tên vào văn bản ủy quyền.

Điều 26. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, Chương trình họp và thông báo.

- 1- Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a) Lập một danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết như quy định tại Điều 24 của Điều lệ này, chương trình họp, và các tài liệu

phù hợp với pháp luật hiện hành và các quy chế của Công ty Tài chính Điện lực.

- b) Khẳng định thời gian và địa điểm Đại hội;
 - c) Thông báo cho tất cả các cổ đông về Đại hội đồng cổ đông và gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông cho họ.
- 2- Giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin hợp lý về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông được đăng trên Website của Công ty Tài chính Điện lực và gửi trực tiếp đến các cổ đông. Giấy mời họp được gửi ít nhất 07 (bảy) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông.
 - 3- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền kiến nghị các vấn đề cần đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty Tài chính Điện lực chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
 - 4- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 3 Điều này trong các trường hợp sau đây:
 - a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - c) Những vấn đề không phù hợp với quy định tại Điều lệ của Công ty Tài chính Điện lực và không phù hợp với các quy định của pháp luật.
 - 5- Chỉ Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đính kèm thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông.

Điều 27. Các điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông và Biên bản

- 1- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông và những người được ủy quyền dự họp đại diện ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp không đủ điều kiện về tỷ lệ đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết cần thiết tham dự họp trong vòng 60 (sáu mươi) phút kể từ thời điểm dự định họp thì Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông và những người được ủy quyền dự họp đại diện ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông lần hai không đủ điều kiện về tỷ lệ đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết cần thiết tham dự họp trong vòng 60 (sáu mươi) phút kể từ thời điểm dự định họp, thì Đại hội đồng cổ đông lần ba được triệu tập họp trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông, tỷ lệ đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết

dự họp và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể quyết định một cách hợp lệ.

- 2- Chủ tịch Hội đồng Quản trị là người Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông, trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt thì thành viên Hội đồng Quản trị được Chủ tịch Hội đồng Quản trị ủy quyền sẽ Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông. Nếu Chủ tịch Hội đồng Quản trị không ủy quyền cho bất kỳ thành viên Hội đồng Quản trị nào, thì sau khi có đủ số cổ đông và người được ủy quyền đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết theo quy định dự họp các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát có mặt dự họp tại Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm tổ chức để Đại hội đồng cổ đông tiến hành biểu quyết nhằm bầu một người làm Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông trong số các cổ đông. Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu sẽ đề cử thư ký để lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.
- 3- Trường hợp, Đại hội đồng cổ đông được triệu tập bởi Ban Kiểm soát hoặc cổ đông lớn, sau khi có đủ số cổ đông và người được ủy quyền đại diện số cổ phần có quyền biểu quyết theo quy định dự họp, người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm tổ chức để Đại hội đồng cổ đông tiến hành biểu quyết nhằm bầu một người làm Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông trong số các cổ đông. Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu sẽ đề cử thư ký để lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.
- 4- Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo quy định sau đây:
 - a) Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
 - b) Trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
 - c) Đối với quyết định về các vấn đề quy định tại các điểm b, f, h và l Khoản 1 Điều 23 Điều lệ này thì phải được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
 - d) Việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát phải được thực hiện dưới hình thức bầu dồn phiếu.
 - e) Quyết định về các vấn đề quy định tại các điểm a, f, o và p Khoản 1 Điều 23 Điều lệ này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- 5- Người Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm bảo quản các biên bản và chuẩn bị gửi cho tất cả các cổ đông ngay khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc, và các biên bản này được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc được tiến hành tại Đại hội đó. Biên bản này phải được lập bằng tiếng Việt, được Chủ tọa của Đại hội và Thư ký ký tên chủ yếu gồm các nội dung sau đây:
 - a) Ngày tháng năm và địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Chương trình họp;

- c) Đại biểu tham dự, họ tên chủ tịch (Chủ tọa) và thư ký;
 - d) Tóm tắt các bài phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông;
 - e) Các vấn đề được thảo luận và các quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua, số phiếu thuận, số phiếu chống, số phiếu trắng và những vấn đề còn tồn đọng.
 - f) Tổng số phiếu của các cổ đông tham dự;
 - g) Tổng số phiếu về từng vấn đề; và
 - h) Tên và chữ ký của chủ tịch (Chủ tọa) và thư ký.
- 6- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. Biên bản sẽ là bằng chứng cho các nội dung công việc đã được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông.
 - 7- Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và các văn bản ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được lưu giữ tại các trụ sở của Công ty Tài chính Điện lực. Trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày thông qua, tất cả các quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua phải được gửi cho Ngân hàng Nhà nước và thông báo cho tất cả các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông.
 - 8- Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, thủ tục đăng ký cổ đông phải được tiến hành nhằm đảm bảo các cổ đông có quyền dự họp được đăng ký. Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông phải làm thủ tục đăng ký, ký tên vào Sổ chữ ký có nêu rõ số cổ phần và loại cổ phần của mình. Cổ đông sở hữu cổ phiếu không ghi tên phải trình cổ phiếu của mình và số hiệu cổ phiếu đó phải được ghi vào Sổ chữ ký.
 - 9- Khi tiến hành đăng ký, Công ty Tài chính Điện lực sẽ cấp cho mỗi cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, tên của cổ đông và người đại diện ủy quyền và số phiếu biểu quyết mà cổ đông đó có. Biểu quyết tại Đại hội sẽ được tiến hành bằng cách thu hoặc đếm số thẻ tán thành một quyết định và sau đó thu hoặc đếm số thẻ phủ quyết quyết định đó, và sau đó đưa ra tổng số phiếu biểu quyết. Tổng số phiếu ủng hộ một vấn đề, phủ quyết một vấn đề, hoặc không biểu quyết, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi biểu quyết một quyết định. Đại hội đồng cổ đông sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu Đại hội đồng cổ đông không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó.
 - 10- Các cổ đông đến Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho những cổ đông này đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

Điều 28. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

- 1- Quyết định của Đại hội đồng cổ đông có thể được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản với điều kiện phải được sự nhất trí bằng văn bản của các cổ

đồng đại diện ít nhất 75% (bảy mươi lăm phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Tài chính Điện lực.

- 2- Để các quyết định được các cổ đông nhất trí thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, Hội đồng Quản trị có trách nhiệm:
 - a) Quyết định các vấn đề cần đưa ra xem xét lấy ý kiến của các cổ đông, cách thức và nội dung biểu quyết theo Điều lệ này và pháp luật;
 - b) Gửi các tài liệu liên quan đến vấn đề cần xin ý kiến biểu quyết, trong đó quy định ngày phải gửi trả lại (“Ngày hoàn trả”) các tài liệu đó (nếu cần) kèm văn bản nêu rõ ý kiến biểu quyết của cổ đông cho Công ty Tài chính Điện lực.
 - c) Tổng hợp ý kiến biểu quyết để xác định quyết định của Đại hội đồng cổ đông và trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày hoàn trả, Hội đồng Quản trị phải có văn bản thông báo kết quả biểu quyết và quyết định của Đại hội đồng cổ đông gửi cho Ngân hàng Nhà Nước và cho tất cả các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông của Công ty Tài chính Điện lực.
- 3- Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị như quyết định được Đại hội đồng cổ đông trực tiếp biểu quyết thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 29. Hủy bỏ các quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua, cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét và hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

- 1- Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty Tài chính Điện lực.
- 2- Trình tự, thủ tục ra quyết định, nội dung quyết định vi phạm quy định của pháp luật hoặc Điều lệ của Công ty Tài chính Điện lực.

CHƯƠNG VIII. ĐIỀU KHOẢN CHUNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 30. Nhiệm vụ chung

- 1- Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị Công ty Tài chính Điện lực, có toàn quyền nhân danh Công ty Tài chính Điện lực để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty Tài chính Điện lực, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 2- Ban kiểm soát thực hiện kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ

đồng, Hội đồng Quản trị, thực hiện kiểm toán nội bộ và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

- 3- Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị, trước pháp luật về việc điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty Tài chính Điện lực.
- 4- Danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Công ty Tài chính Điện lực phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi bầu, bổ nhiệm các chức danh này. Những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Công ty Tài chính Điện lực phải thuộc danh sách đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

Điều 31. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ

- 1- Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và chức danh tương đương của Công ty Tài chính Điện lực:
 - a) Người thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b) Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;
 - c) Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp, Chủ nhiệm và các thành viên Ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng;
 - d) Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó;
 - e) Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của Công ty Tài chính Điện lực hoặc tổ chức tín dụng khác theo quy định tại Điều 37 của Luật các tổ chức tín dụng hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc Công ty Tài chính Điện lực hoặc tổ chức tín dụng khác bị thu hồi Giấy phép;
 - f) Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của Công ty Tài chính Điện lực không được là thành viên Ban kiểm soát của Công ty Tài chính Điện lực;
 - g) Người có liên quan của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Tài chính Điện lực không được là Tổng giám đốc của Công ty Tài chính Điện lực.

- 2- Những người sau đây không được là Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, Giám đốc công ty con của Công ty Tài chính Điện lực:
- a) Người chưa thành niên, người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án;
 - c) Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;
 - d) Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xoá án tích;
 - e) Cán bộ, công chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại Công ty Tài chính Điện lực;
 - f) Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sỹ quan, hạ sỹ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại Công ty Tài chính Điện lực;
- 3- Cha, mẹ, vợ, chồng, con và anh, chị, em của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và vợ, chồng của những người này không được là Kế toán trưởng hoặc là người phụ trách tài chính của Công ty Tài chính Điện lực.

Điều 32. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ

- 1- Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty Tài chính Điện lực không được đồng thời là người điều hành của Công ty Tài chính Điện lực và của tổ chức tín dụng khác. Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty Tài chính Điện lực không được đồng thời là người quản lý của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức này là công ty con của Công ty Tài chính Điện lực, hoặc là thành viên Ban kiểm soát của Công ty Tài chính Điện lực.
- 2- Trưởng Ban kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban kiểm soát, người quản lý của tổ chức tín dụng khác. Thành viên Ban kiểm soát không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:
 - a) Thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành, nhân viên của Công ty Tài chính Điện lực hoặc công ty con của Công ty Tài chính Điện lực hoặc nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của Công ty Tài chính Điện lực là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó;
 - b) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, người điều hành của doanh nghiệp mà thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp đó đang là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành tại Công ty Tài chính Điện lực.

- 3- Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:
 - a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty con của Công ty Tài chính Điện lực;
 - b) Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) của doanh nghiệp khác.

Điều 33. Đương nhiên mất tư cách

- 1- Các trường hợp sau đây đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc:
 - a) Mất năng lực hành vi dân sự, chết;
 - b) Thuộc một trong các đối tượng quy định từ điểm a đến điểm f của khoản 1 Điều 31 của Điều lệ này;
 - c) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông hoặc thành viên góp vốn của Công ty Tài chính Điện lực khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân;
 - d) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;
 - e) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
 - f) Khi Công ty Tài chính Điện lực bị thu hồi Giấy phép;
 - g) Khi hợp đồng thuê Tổng giám đốc hết hiệu lực;
- 2- Hội đồng Quản trị của Công ty Tài chính Điện lực phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc các đối tượng đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày xác định được đối tượng trên đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định tại Điều 43, Điều 47 và Điều 54 của Điều lệ này.
- 3- Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Công ty Tài chính Điện lực phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

Điều 34. Miễn nhiệm, bãi nhiệm

- 1- Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc Công ty Tài chính Điện lực bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong những trường hợp sau:
 - a) Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế;
 - b) Có đơn xin từ chức với lý do hợp lý;
 - c) Thuộc đối tượng vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 31 của Điều lệ này;
 - d) Không đảm bảo số cổ phần sở hữu tối thiểu do Điều lệ Công ty Tài chính Điện lực quy định (áp dụng đối với thành viên Hội đồng Quản trị);
 - e) Vi phạm quy định của pháp luật, quy định của Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ của Công ty Tài chính Điện lực về mua, bán và chuyển nhượng cổ phần;
 - f) Vi phạm quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ của Công ty Tài chính Điện lực trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;
 - g) Không tham gia hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - h) Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 50 của Luật các tổ chức tín dụng;
 - i) Thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị không đảm bảo yêu cầu về tính độc lập;
 - j) Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
- 2- Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc Công ty Tài chính Điện lực sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.
- 3- Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các chức danh theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng Quản trị của Công ty Tài chính Điện lực phải có văn bản kèm theo tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.

Điều 35. Đình chỉ, tạm đình chỉ chức danh Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc

- 1- Ngân hàng Nhà nước có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát, người điều hành Công ty Tài chính Điện lực vi phạm quy định tại Điều 32 của Điều lệ này, quy định khác của pháp luật có liên quan trong quá trình thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền miễn nhiệm, bầu, bổ nhiệm người thay thế hoặc chỉ định người thay thế nếu xét thấy cần thiết.

- 2- Ban kiểm soát đặc biệt có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, người điều hành của Công ty Tài chính Điện lực bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt nếu xét thấy cần thiết.
- 3- Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải có trách nhiệm tham gia xử lý các tồn tại và vi phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty Tài chính Điện lực hoặc Ban kiểm soát đặc biệt.

CHƯƠNG IX. CÁC QUYỀN, NGHĨA VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG KHAI LỢI ÍCH LIÊN QUAN CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH

Điều 36. Quyền, nghĩa vụ của người quản lý, người điều hành Công ty Tài chính Điện lực

- 1- Thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty Tài chính Điện lực, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông của Công ty Tài chính Điện lực; chấp hành đúng các quy chế, quy định nội bộ của Công ty Tài chính Điện lực.
- 2- Thực hiện quyền, nghĩa vụ một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của Công ty Tài chính Điện lực và cổ đông Công ty Tài chính Điện lực.
- 3- Trung thành với Công ty Tài chính Điện lực; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty Tài chính Điện lực, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty Tài chính Điện lực để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác làm tổn hại tới lợi ích của Công ty Tài chính Điện lực và cổ đông Công ty Tài chính Điện lực
- 4- Bảo đảm lưu trữ hồ sơ của Công ty Tài chính Điện lực để cung cấp được các số liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành, kiểm soát mọi hoạt động của Công ty Tài chính Điện lực, hoạt động thanh tra, giám sát, kiểm tra của Ngân hàng Nhà nước.
- 5- Am hiểu về các loại rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng.
- 6- Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty Tài chính Điện lực về quyền lợi của mình tại tổ chức khác, giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty Tài chính Điện lực và chỉ được tham gia vào giao dịch đó khi được Hội đồng Quản trị chấp thuận.
- 7- Không được tạo điều kiện để bản thân hoặc người có liên quan của mình vay vốn, sử dụng các dịch vụ ngân hàng khác của Công ty Tài chính Điện lực với

những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của Công ty Tài chính Điện lực.

- 8- Không được tăng lương, thù lao hoặc yêu cầu trả thưởng khi Công ty Tài chính Điện lực bị lỗ.
- 9- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Trách nhiệm công khai các lợi ích liên quan

- 1- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương của Công ty Tài chính Điện lực phải công khai với Công ty Tài chính Điện lực các thông tin sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 5% vốn điều lệ trở lên;
 - b) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà mình và người có liên quan đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc).
- 2- Việc công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều này và việc thay đổi thông tin liên quan phải được thực hiện bằng văn bản trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.
- 3- Công ty Tài chính Điện lực phải công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều này định kỳ hằng năm cho Đại hội đồng cổ đông của Công ty Tài chính Điện lực và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty Tài chính Điện lực.

CHƯƠNG X. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 38. Thành phần và Nhiệm kỳ

- 1- Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị có toàn quyền nhân danh Công ty Tài chính Điện lực để quyết định, thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Công ty Tài chính Điện lực, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, chủ sở hữu.
- 2- Hội đồng Quản trị phải có không ít hơn 05 (năm) thành viên và không quá 11 (mười một) thành viên, trong đó có ít nhất một thành viên độc lập. Hội đồng Quản trị phải có ít nhất một phần hai tổng số thành viên là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành của Công ty Tài chính Điện lực. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Thành

viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

- 3- Trường hợp số thành viên Hội đồng Quản trị không đủ hai phần ba tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ của Công ty Tài chính Điện lực thì trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, Công ty Tài chính Điện lực phải bổ sung đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin chấp thuận danh sách dự kiến việc bầu, bổ nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty Tài chính Điện lực phải được báo cáo lên Ngân hàng Nhà Nước bằng văn bản và các tài liệu liên quan trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc.
- 4- Hội đồng Quản trị sử dụng con dấu của Công ty Tài chính Điện lực để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.
- 5- Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải là người có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
- 6- Hội đồng Quản trị phải thành lập các Ủy ban để giúp Hội đồng Quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó phải có Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự. Hội đồng Quản trị quy định nhiệm vụ, quyền hạn của hai Ủy ban này theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 39. Quyền hạn và Nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị

- 1- Chịu trách nhiệm triển khai việc thành lập, khai trương hoạt động của Công ty Tài chính Điện lực sau cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đầu tiên.
- 2- Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
- 3- Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 1 Điều 23 của Điều lệ này.
- 4- Quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, phòng giao dịch, điểm giao dịch của Công ty Tài chính Điện lực
- 5- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị, các chức danh thuộc kiểm toán nội bộ và người quản lý, người điều hành khác theo quy định nội bộ của Hội đồng quản trị.
- 6- Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của Công ty Tài chính Điện lực ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.

- 7- Cử người đại diện vốn góp của Công ty Tài chính Điện lực tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.
- 8- Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Công ty Tài chính Điện lực từ 10% trở lên so với vốn điều lệ của Công ty Tài chính Điện lực ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của Công ty Tài chính Điện lực quy định tại điểm h khoản 1 Điều 23 của Điều lệ này.
- 9- Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 128 của Luật các tổ chức tín dụng, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại điểm k khoản 1 Điều 23 của Điều lệ này.
- 10- Thông qua các hợp đồng của Công ty Tài chính Điện lực với công ty con, công ty liên kết của Công ty Tài chính Điện lực; các hợp đồng của Công ty Tài chính Điện lực với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn, người có liên quan của họ có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của Công ty Tài chính Điện lực ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.
- 11- Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hàng năm về hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc.
- 12- Ban hành các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của Công ty Tài chính Điện lực phù hợp với các quy định của Luật các tổ chức tín dụng và pháp luật có liên quan, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát hoặc của Đại hội đồng cổ đông.
- 13- Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Công ty Tài chính Điện lực.
- 14- Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên.
- 15- Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật.
- 16- Đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận các vấn đề theo quy định của pháp luật.
- 17- Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán.
- 18- Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của Công ty Tài chính Điện lực.
- 19- Quyết định mua lại cổ phần của Công ty Tài chính Điện lực.
- 20- Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
- 21- Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ những nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát.

- 22- Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- 23- Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
- 24- Thông báo kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.
- 25- Quyết định biên chế nhân viên và quỹ lương hàng năm.
- 26- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy tham mưu giúp việc Tổng giám đốc tại Điều 57 Điều lệ này.
- 27- Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 40. Quyền hạn, nhiệm vụ của Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị

- 1- Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Tài chính Điện lực có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.
 - c) Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị.
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.
 - e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
 - f) Bảo đảm các thành viên Hội đồng Quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng Quản trị phải xem xét.
 - g) Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị.
 - h) Giám sát các thành viên Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và các quyền, nghĩa vụ chung.
 - i) Ít nhất mỗi năm một lần, đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các Ủy ban của Hội đồng Quản trị và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này.
 - j) Ký các văn bản ủy quyền cho một trong số thành viên Hội đồng quản trị đảm nhiệm công việc của mình trong thời gian vắng mặt.
 - k) Thực hiện các quyền hạn, nhiệm vụ khác theo quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị.
 - l) Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện pháp luật trong thời gian Công ty chưa bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc.
 - m) Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2- Thành viên Hội đồng Quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- a) Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng Quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng Quản trị một cách trung thực vì lợi ích của Công ty Tài chính Điện lực và cổ đông.
- b) Xem xét báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người điều hành Công ty Tài chính Điện lực, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo.
- c) Đề nghị Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng Quản trị bất thường.
- d) Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều lệ này, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích với thành viên đó. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị về quyết định của mình.
- e) Triển khai thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
- f) Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu.
- g) Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 41. Tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng Quản trị

1- Người được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị phải đáp ứng được các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại Điều 31 của Điều lệ này;
- b) Đảm bảo đạo đức nghề nghiệp trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điều 36 của Điều lệ này;
- c) Là cá nhân sở hữu hoặc người được ủy quyền đại diện sở hữu ít nhất 5% (năm phần trăm) vốn điều lệ của Công ty Tài chính Điện lực, hoặc có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc có ít nhất 03 năm là người quản lý của tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp hoạt động trong ngành bảo hiểm, chứng khoán, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất 05 (năm) năm làm việc trực tiếp tại các bộ phận nghiệp vụ trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kiểm toán hoặc kế toán.
- d) Số thành viên Hội đồng Quản trị chưa có bằng đại học nêu tại điểm c khoản 1 Điều này không được vượt quá 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty Tài chính Điện lực;
- e) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm (đối với thành viên Hội đồng Quản trị chuyên trách).

2- Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và có các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- a) Không phải là người đang làm việc cho chính Công ty Tài chính Điện lực hoặc công ty con của Công ty Tài chính Điện lực hoặc đã làm việc cho chính Công ty Tài chính Điện lực hoặc công ty con của Công ty Tài chính Điện lực trong 03 năm liền kề trước đó;
- b) Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của Công ty Tài chính Điện lực ngoài những khoản phụ cấp của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- c) Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của Công ty Tài chính Điện lực, người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của Công ty Tài chính Điện lực hoặc công ty con của Công ty Tài chính Điện lực;
- d) Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Công ty Tài chính Điện lực; không cùng người có liên quan sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Công ty Tài chính Điện lực;
- e) Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Công ty Tài chính Điện lực tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kề trước đó.

Điều 42. Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị

- 1- Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị được trả theo quy định sau đây:
 - a) Thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Tổng mức thù lao của Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;
 - b) Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty Tài chính Điện lực theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 43. Thay thế thành viên Hội đồng Quản trị

- 1- Trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng Quản trị bị đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, các thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng Quản trị để bầu một thành viên Hội đồng Quản trị (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành) làm Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
- 2- Chủ tịch Hội đồng Quản trị muốn từ chức Chủ tịch phải có đơn gửi đến Hội đồng Quản trị. Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng Quản trị phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục

- miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo quy định hiện hành.
- 3- Thành viên Hội đồng Quản trị muốn từ chức phải có đơn hoặc văn bản gửi Hội đồng Quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.
 - 4- Trường hợp bị giảm quá 1/3 (một phần ba) số thành viên Hội đồng Quản trị hoặc không đủ số thành viên Hội đồng Quản trị tối thiểu theo quy định tại Điều lệ của Công ty Tài chính Điện lực, thì trong thời hạn không quá 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày không đủ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định, Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị.
 - 5- Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Hội đồng Quản trị mới để thay thế cho thành viên Hội đồng Quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.
 - 6- Sau Đại hội đồng cổ đông đầu tiên, những người được bầu giữ chức Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc triển khai và hoàn tất những công việc thành lập Công ty Tài chính Điện lực để trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, cấp giấy phép thành lập và hoạt động và chấp thuận các chức danh Quản trị, kiểm soát, điều hành, Điều lệ của Công ty Tài chính Điện lực theo quy định hiện hành.
 - 7- Những người được bầu giữ chức Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm tiếp nhận và đảm nhiệm ngay công việc của chức danh được bầu. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị mới được bầu xử lý; đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.

Điều 44. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị

1- Cuộc họp đầu tiên:

Trường hợp Hội đồng quản trị họp cuộc họp đầu tiên bắt đầu mỗi nhiệm kỳ để bầu Chủ tịch của Hội đồng Quản trị và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời gian 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị.

2- Cuộc họp thường kỳ:

Hội đồng Quản trị họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất. Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền triệu tập. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;

- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc;
 - c) Có đề nghị của ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị.
- 3- Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Hội đồng Quản trị bất thường của một trong các đối tượng nêu tại khoản 2 Điều này, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Hội đồng Quản trị bất thường. Trường hợp, sau hai lần đề nghị kế tiếp mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị không triệu tập cuộc họp Hội đồng Quản trị, các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát phải có ngay văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà Nước và tiến hành họp Hội đồng Quản trị để xử lý công việc, đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Chủ tịch, bầu một thành viên Hội đồng Quản trị đảm bảo các điều kiện giữ chức danh Chủ tịch, trình Ngân hàng Nhà nước chấp thuận theo đúng quy định hiện hành, hoặc quyết định việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường để xử lý những tồn tại, vướng mắc chưa thể giải quyết (nếu có). Nếu Hội đồng Quản trị không đủ số thành viên tham dự theo quy định để tổ chức họp và thông qua quyết định, thì Ban Kiểm soát có trách nhiệm triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo đúng quy định hiện hành để xử lý những tồn tại, vướng mắc của Công ty Tài chính Điện lực.
- 4- Địa điểm và hình thức họp: Các cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty Tài chính Điện lực hoặc những địa điểm khác được Hội đồng Quản trị quy định. Hình thức họp nghị sự trực tiếp hoặc kết hợp họp thông qua điện thoại trực tiếp, phương tiện điện tử đối với trường hợp có thành viên vì lý do khách quan không thể tham dự tại địa điểm triệu tập.
- 5- Thông báo và Chương trình họp: Thông báo họp Hội đồng Quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất 05 (năm) ngày làm việc trước ngày tổ chức họp. Thông báo về cuộc họp Hội đồng Quản trị được làm bằng văn bản tiếng Việt, trong đó nêu rõ về: chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng Quản trị và cả các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng Quản trị không thể dự họp. Những thành viên Hội đồng Quản trị này sẽ gửi phiếu bầu cho Hội đồng Quản trị trước khi họp.
- 6- Số thành viên tham dự yêu cầu: Cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) số thành viên Hội đồng Quản trị trở lên trực tiếp tham dự hoặc qua người thay thế là một trong các thành viên Hội đồng Quản trị được ủy quyền. Trường hợp triệu tập họp Hội đồng Quản trị định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập tiếp cuộc họp Hội đồng Quản trị lần hai trong thời gian không quá 15 (mười lăm) ngày tiếp theo. Sau hai lần triệu tập họp Hội đồng Quản trị không đủ số thành viên tham dự, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá 30 (ba mươi) ngày tiếp theo để cổ đông xem xét tư cách của các thành viên Hội đồng Quản trị.
- 7- Biểu quyết:
- a) Mỗi thành viên Hội đồng tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng Quản trị. Nếu thành viên Hội đồng Quản trị không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu

quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Hội đồng Quản trị khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay. Thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả nhưng người dự họp.

- b) Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Hội đồng Quản trị quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên Hội đồng Quản trị khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.
 - c) Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên Hội đồng Quản trị hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị và những nghi ngờ đó không được thành viên Hội đồng Quản trị đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của Chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Hội đồng Quản trị có liên quan đó chưa được biết rõ.
 - d) Bất kỳ thành viên Hội đồng Quản trị nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu trong Điều 120 của Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó.
- 8- Tuyên bố quyền lợi: Thành viên Hội đồng Quản trị nếu theo sự hiểu biết của mình thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thoả thuận hay một hợp đồng dự kiến hoặc một thoả thuận dự kiến giao kết với Công ty Tài chính Điện lực phải khai báo bản chất quyền lợi liên quan tại cuộc họp Hội đồng Quản trị, tại đây Hội đồng Quản trị sẽ xem xét việc có giao kết các hợp đồng hoặc thoả thuận đó không, nếu như sau này mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo tại cuộc họp Hội đồng Quản trị đầu tiên sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan.
- 9- Biểu quyết đa số: Quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc thành viên Hội đồng Quản trị được Chủ tịch Hội đồng Quản trị ủy quyền Chủ tọa cuộc họp (trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt).
- 10- Trường hợp Hội đồng Quản trị lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Hội đồng Quản trị tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:
- a) Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Hội đồng Quản trị có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;

- b) Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Hội đồng Quản trị.
- 11- Biên bản: Cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp Hội đồng Quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải được tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp ký tên. Chủ tọa, thư ký và các thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản họp Hội đồng Quản trị. .
- 12- Những người được mời dự họp Hội đồng Quản trị: Các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và có thể có các Cán bộ quản lý, chuyên gia khác, nhưng không được tham gia biểu quyết.
- 13- Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 45. Bộ máy giúp việc của Hội đồng Quản trị

- 1- Hội đồng Quản trị sẽ sử dụng Bộ máy giúp việc và con dấu của Công ty Tài chính Điện lực để thực hiện nhiệm vụ của mình.
- 2- Hội đồng Quản trị phải thành lập các Hội đồng, Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị và Văn phòng Hội đồng quản trị để tham mưu, giúp việc cho Hội đồng Quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

CHƯƠNG XI. TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 46. Tổng Giám đốc

- 1- Hội đồng Quản trị bổ nhiệm một trong số các thành viên của mình làm Tổng giám đốc hoặc thuê Tổng giám đốc.
- 2- Tổng giám đốc là người điều hành cao nhất của Công ty Tài chính Điện lực, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
- 3- Người đại diện theo pháp luật:
 - a) Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị, trước pháp luật về việc điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty Tài chính Điện lực.
 - b) Trong thời gian Công ty chưa bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc thì Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty Tài chính Điện lực.
- 4- Trừ trường hợp Hội đồng Quản trị có quy định khác, nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 05 (năm) năm. Tổng Giám đốc có thể được bổ nhiệm lại. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức của Tổng Giám đốc được thực hiện theo Luật các tổ chức tín dụng và các quy định của Ngân hàng Nhà nước.
- 5- Phó Tổng Giám đốc là người giúp Tổng Giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty Tài chính Điện lực theo sự phân công của Tổng

Giám đốc và không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 32 của Điều lệ này.

- 6- Kế toán trưởng giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê của Công ty Tài chính Điện lực, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 47. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc

- 1- Hội đồng Quản trị ra quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc. Trình tự, thủ tục, hồ sơ về việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và Quy chế bổ nhiệm, miễn nhiệm của Công ty.
- 2- Tổng Giám đốc sau khi có quyết định bổ nhiệm của Hội đồng Quản trị được đảm nhiệm công việc của chức danh mới được bổ nhiệm; Tổng Giám đốc cũ có trách nhiệm bàn giao công việc cho Tổng Giám đốc mới xử lý và phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.
- 3- Trường hợp Tổng Giám đốc bị đương nhiên mất tư cách Tổng Giám đốc thì Hội đồng Quản trị phải cử ngay một Phó Tổng Giám đốc hoặc một Trưởng phòng nghiệp vụ (trường hợp không có Phó Tổng Giám đốc) đảm bảo các điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và không thuộc đối tượng quy định tại Điều 31 của Điều lệ này đảm nhiệm công việc của Tổng Giám đốc và có ngay báo cáo bằng văn bản lên Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày xác định được đối tượng đương nhiên mất tư cách.
- 4- Trong thời hạn tối đa 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày Tổng Giám đốc bị đương nhiên mất tư cách Tổng Giám đốc hoặc Hội đồng Quản trị nhận được đơn xin từ chức của Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị phải tìm người thay thế và tiến hành các thủ tục xin bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới theo quy định của pháp luật.
- 5- Trường hợp Tổng Giám đốc vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước và Điều lệ của Công ty Tài chính Điện lực, Hội đồng Quản trị có quyền tạm đình chỉ quyền điều hành của Tổng Giám đốc, đồng thời phải cử ngay một Phó Tổng Giám đốc hoặc một Trưởng phòng nghiệp vụ (trường hợp không có Phó Tổng Giám đốc) đảm bảo các điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, không thuộc đối tượng quy định tại Điều 31 của Điều lệ này đảm nhiệm công việc của Tổng Giám đốc và có ngay văn bản báo cáo, đề xuất xử lý đối với những sai phạm, cũng như chức danh Tổng Giám đốc, gửi Ngân hàng Nhà nước giải quyết theo quy định hiện hành.
- 6- Trong thời gian Tổng Giám đốc chưa được chính thức bổ nhiệm, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cổ đông về mọi hoạt động của Công ty Tài chính Điện lực.

Điều 48. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

- 1- Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị.
- 2- Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty Tài chính Điện lực.
- 3- Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả.
- 4- Lập và trình Hội đồng Quản trị thông qua báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác.
- 5- Ban hành theo thẩm quyền quy định nội bộ; quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin báo cáo.
- 6- Báo cáo Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động và kết quả kinh doanh của Công ty Tài chính Điện lực.
- 7- Quyết định áp dụng biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố và chịu trách nhiệm về quyết định đó và kịp thời báo cáo Hội đồng Quản trị.
- 8- Kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức và hoạt động của Công ty Tài chính Điện lực trình Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền.
- 9- Đề nghị Hội đồng Quản trị họp bất thường theo quy định của pháp luật.
- 10- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý, điều hành của Công ty Tài chính Điện lực, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- 11- Ký kết hợp đồng nhân danh Công ty Tài chính Điện lực theo quy định của Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty Tài chính Điện lực.
- 12- Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh của Công ty Tài chính Điện lực.
- 13- Tuyển dụng lao động, kỷ luật, cho thôi việc; quyết định lương, thưởng của người lao động theo thẩm quyền.
- 14- Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 49. Tiêu chuẩn của Tổng Giám đốc

- 1- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1, Điều 31 của Điều lệ này;
- 2- Đảm bảo đạo đức nghề nghiệp;
- 3- Có bằng Đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật;
- 4- Có ít nhất 05 (năm) năm làm người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 (năm) năm làm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với từng loại hình tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật hoặc có ít nhất 10 (mười) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán hoặc kiểm toán;

- 5- Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

CHƯƠNG XII. BAN KIỂM SOÁT

Điều 50. Thành phần, nhiệm kỳ và cơ cấu Ban kiểm soát

- 1- Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát với số cổ đông đại diện ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp chấp thuận. Ban Kiểm soát bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban Kiểm soát.
- 2- Ban Kiểm soát có số thành viên tối thiểu là 03 (ba) người trong đó ít nhất có một phần hai số thành viên là thành viên chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp khác.
- 3- Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của Thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
- 4- Ban kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- 5- Ban kiểm soát có bộ phận giúp việc, kiểm toán nội bộ, được sử dụng các nguồn lực của Công ty Tài chính Điện lực, được thuê chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ của mình.

Điều 51. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát

- 1- Sau Đại hội đồng cổ đông đầu tiên, những người được bầu làm Trưởng ban và thành viên Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc triển khai kiểm soát công việc thành lập Công ty Tài chính Điện lực.
- 2- Những người được bầu giữ chức Trưởng ban và thành viên Ban Kiểm soát có trách nhiệm tiếp nhận bàn giao và đảm nhiệm công việc của chức danh được bầu. Những người bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho những người mới được bầu; đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.
- 3- Ban Kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:
 - a) Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty Tài chính Điện lực trong việc quản trị, điều hành; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

- b) Ban hành quy định nội bộ của Ban kiểm soát; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban kiểm soát, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo.
- c) Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ; có quyền sử dụng tư vấn độc lập và quyền được tiếp cận, cung cấp đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành Công ty Tài chính Điện lực để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao
- d) Thẩm định báo cáo tài chính 06 (sáu) tháng đầu năm và hằng năm của Công ty Tài chính Điện lực; báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
- e) Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty Tài chính Điện lực khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu.
- f) Kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị, khi phát hiện người quản lý Công ty Tài chính Điện lực có hành vi vi phạm; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, nếu có.
- g) Lập danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Công ty Tài chính Điện lực; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.
- h) Đề nghị Hội đồng Quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Điều lệ của Công ty Tài chính Điện lực.
- i) Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng Quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật các tổ chức tín dụng hoặc vượt quá thẩm quyền được giao và trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ của Công ty Tài chính Điện lực.
- j) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 52. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát

1- Trưởng Ban Kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- a) Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát quy định tại Điều 51 của Điều lệ Công ty Tài chính Điện lực.

- b) Chuẩn bị chương trình họp của Ban kiểm soát trên cơ sở ý kiến đề xuất của thành viên Ban kiểm soát liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát.
- c) Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.
- d) Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường quy định tại Điều 51 của Điều lệ này hoặc đề nghị Hội đồng Quản trị họp bất thường.
- e) Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.
- f) Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng Quản trị nếu ý kiến của mình khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.
- g) Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát.
- h) Bảo đảm các thành viên Ban kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét.
- i) Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát.
- j) Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt.
- k) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2- Thành viên Ban Kiểm soát có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

- a) Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty Tài chính Điện lực và quy định nội bộ của Ban kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty Tài chính Điện lực và của cổ đông.
- b) Bầu một thành viên Ban kiểm soát làm Trưởng Ban kiểm soát.
- c) Yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát triệu tập Ban kiểm soát họp bất thường.
- d) Kiểm soát hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính và kiến nghị biện pháp khắc phục.
- e) Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của Công ty Tài chính Điện lực cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.
- f) Báo cáo Trưởng Ban kiểm soát về hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm về đánh giá và kết luận của mình.
- g) Tham dự cuộc họp của Ban kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.

- h) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- 3- Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát:
- a) Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát.
 - b) Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
 - c) Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty Tài chính Điện lực theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.
- 4- Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty Tài chính Điện lực theo yêu cầu của Ban Kiểm soát và thư ký phải bảo đảm rằng tất cả bản sao chụp các thông tin Tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng Quản trị cũng như các biên bản họp Hội đồng Quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban Kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng Quản trị.

Điều 53. Tiêu chuẩn của thành viên Ban Kiểm soát

- 1- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 31 của Điều lệ này;
- 2- Có đạo đức nghề nghiệp;
- 3- Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán;
- 4- Không phải là người có liên quan của người quản lý Công ty Tài chính Điện lực;
- 5- Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

Điều 54. Thay thế thành viên Ban Kiểm soát

- 1- Thành viên của Ban Kiểm soát sẽ đương nhiên bị mất tư cách hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm chức danh theo quy định tại Điều 33 và Điều 34 của Điều lệ này. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin thay đổi và chấp thuận việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban và các thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

- 2- Trong thời hạn không quá 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Trưởng Ban Kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách thành viên Ban Kiểm soát, các thành viên Ban Kiểm soát có trách nhiệm tổ chức họp Ban Kiểm soát để bầu một thành viên Ban Kiểm soát (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành) làm Trưởng Ban Kiểm soát.
- 3- Trưởng Ban Kiểm soát muốn từ chức Trưởng ban, phải có đơn gửi đến Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát. Trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận đơn, Ban Kiểm soát phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu Trưởng Ban Kiểm soát theo quy định hiện hành.
- 4- Thành viên Ban Kiểm soát muốn từ chức phải có đơn gửi đến Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát để trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất quyết định.
- 5- Trường hợp bị giảm quá một phần ba số thành viên Ban Kiểm soát hoặc không đủ số thành viên Ban Kiểm soát tối thiểu theo quy định của Điều lệ của Công ty Tài chính Điện lực, trong thời hạn không quá 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày không đủ số thành viên Ban Kiểm soát theo quy định, Ban Kiểm soát phải đề nghị Hội đồng Quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát.
- 6- Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Ban Kiểm soát mới để thay thế cho thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.

CHƯƠNG XIII. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY TÀI CHÍNH ĐIỆN LỰC

Điều 55. Thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch, điểm giao dịch

Công ty Tài chính Điện lực được phép mở các chi nhánh, các văn phòng đại diện, các phòng giao dịch, điểm giao dịch, các Công ty con trực thuộc khi có nhu cầu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Cơ cấu tổ chức của các đơn vị trên sẽ do Hội đồng Quản trị quy định phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 56. Cơ cấu tổ chức trụ sở chính

Trụ sở chính bao gồm các thành phần sau:

- 1- Hội đồng Quản trị;
- 2- Ban Kiểm soát;
- 3- Tổng Giám đốc.

Điều 57. Bộ máy tham mưu giúp việc Tổng Giám đốc

- 1- Các Phó Tổng Giám đốc;

- 2- Kế toán trưởng;
- 3- Các phòng ban;
- 4- Hệ thống kiểm soát nội bộ.

CHƯƠNG XIV. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY TÀI CHÍNH ĐIỆN LỰC

Điều 58. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

- 1- Cổ đông có quyền biểu quyết được quyền, trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được ủy quyền, bằng một yêu cầu bằng văn bản, thẩm tra danh sách các cổ đông của Công ty Tài chính Điện lực và các biên bản của Đại hội đồng cổ đông trong giờ làm việc tại trụ sở kinh doanh chính của Công ty Tài chính Điện lực và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Một yêu cầu của người được ủy quyền phải được kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
- 2- Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các thành viên Ban điều hành khác có quyền kiểm tra sổ cái của Công ty Tài chính Điện lực, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty Tài chính Điện lực vì những mục đích liên quan tới nhiệm vụ, quyền hạn của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
- 3- Công ty Tài chính Điện lực sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung của nó, Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu đối với các tài sản, các báo cáo Tài chính hàng năm đã được xác nhận của Kiểm toán độc lập xác nhận, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác trong địa bàn hoạt động của trụ sở chính với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

CHƯƠNG XV. NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 59. Người lao động

- 1- Tổng Giám đốc sẽ phải xây dựng Quy chế liên quan đến việc tuyển dụng, thuê mướn lao động, buộc thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động của Công ty Tài chính Điện lực để trình Hội đồng Quản trị xem xét thông qua hoặc phê duyệt.

- 2- Người lao động trong Công ty Tài chính Điện lực có trách nhiệm chấp hành đúng và đầy đủ: các nội quy, quy chế, quy định về quản lý lao động; các quy chế, quy định nội bộ khác của Công ty Tài chính Điện lực; thực hiện các quyết định về tuyển dụng, điều động, kỷ luật, khen thưởng, phúc lợi của cấp có thẩm quyền.

CHƯƠNG XVI. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 60. Cổ tức

- 1- Công ty Tài chính Điện lực chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ Tài chính khác theo quy định của pháp luật.

Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận còn lại của Công ty Tài chính Điện lực nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng Quản trị đề xuất trên cơ sở trung thực sau khi đã lấy ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng Quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được công khai gửi đến tất cả các cổ đông chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Công ty Tài chính Điện lực, tên và địa chỉ của cổ đông, số cổ phần từng loại của cổ đông, mức cổ tức đối với từng loại cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức.

- 2- Công ty Tài chính Điện lực sẽ không trả lãi suất cho bất cứ cổ tức hay một khoản tiền nào khác có thể được chi trả liên quan tới một cổ phiếu.
- 3- Bất cứ cổ tức hay những khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt có liên quan tới một cổ phiếu sẽ phải được thực hiện bằng tiền đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và cổ đông đó phải chịu rủi ro. Ngoài ra, bất kỳ cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt có liên quan tới một cổ phiếu có thể được thực hiện bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty Tài chính Điện lực đã được cung cấp chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty Tài chính Điện lực thực hiện được việc chuyển khoản nhưng Công ty Tài chính Điện lực sẽ không bị truy đòi đối với bất kỳ khoản tiền nào đã được Công ty Tài chính Điện lực chuyển bằng chuyển khoản ngân hàng nhưng cổ đông thụ hưởng không nhận được nếu Công ty Tài chính Điện lực đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do chính cổ đông đó cung cấp.
- 4- Những người đã chính thức đăng ký giữ cổ phiếu hoặc các chứng khoán khác có quyền nhận cổ tức, khoản phân bổ, khoản chia, thông báo hoặc tài liệu.

- 5- Cổ đông chuyên nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức và thời điểm trả cổ tức, thì người chuyên nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty Tài chính Điện lực.

CHƯƠNG XVII. HỆ THỐNG KIỂM TRA VÀ KIỂM SOÁT, KIỂM TOÁN NỘI BỘ, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH, HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 61. Hệ thống kiểm soát nội bộ

- 1- Hệ thống kiểm soát nội bộ là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của Công ty Tài chính Điện lực được xây dựng phù hợp với hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước và được tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro và đạt được yêu cầu đề ra
- 2- Công ty Tài chính Điện lực phải xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ để bảo đảm các yêu cầu sau đây:
 - a) Hiệu quả và an toàn trong hoạt động; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực;
 - b) Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời;
 - c) Tuân thủ pháp luật và các quy chế, quy trình, quy định nội bộ.
- 3- Hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty Tài chính Điện lực phải được kiểm toán nội bộ, tổ chức kiểm toán độc lập đánh giá định kỳ

Điều 62. Kiểm toán nội bộ

- 1- Kiểm toán nội bộ là hoạt động rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm soát nội bộ; đánh giá độc lập về tính thích hợp và sự tuân thủ các chính sách, thủ tục quy trình đã được thiết lập trong Công ty Tài chính Điện lực, thông qua đó đưa ra các kiến nghị, tư vấn nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của các hệ thống, các quy trình, quy định, góp phần đảm bảo Công ty Tài chính Điện lực hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.
- 2- Kiểm toán nội bộ là đơn vị chuyên trách thuộc Ban Kiểm soát thực hiện hoạt động kiểm toán nội bộ của Công ty Tài chính Điện lực.
- 3- Kết quả kiểm toán nội bộ phải được báo cáo kịp thời cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và gửi Tổng giám đốc của Công ty Tài chính Điện lực.

Điều 63. Các nguyên tắc cơ bản của kiểm toán nội bộ, phạm vi kiểm toán nội bộ, báo cáo kiểm toán nội bộ

- 1- Các nguyên tắc cơ bản của kiểm toán nội bộ:

- a) Tính độc lập: Tổ chức và hoạt động của kiểm toán nội bộ độc lập với đơn vị, bộ phận điều hành, tác nghiệp của Công ty Tài chính Điện lực, cán bộ làm công tác kiểm toán nội bộ không được đồng thời đảm nhận các công việc thuộc đối tượng của kiểm toán nội bộ; Công ty Tài chính Điện lực phải đảm bảo rằng kiểm toán nội bộ không chịu bất cứ sự can thiệp nào khi thực hiện việc báo cáo và đánh giá.
 - b) Tính khách quan: Kiểm toán nội bộ, kiểm toán viên nội bộ phải đảm bảo tính khách quan, trung thực, công bằng, không định kiến.
 - c) Tính chuyên nghiệp: Kiểm toán viên nội bộ phải là người có kiến thức, trình độ và kỹ năng kiểm toán nội bộ cần thiết, không kiêm nhiệm các cương vị, các công việc chuyên môn khác của Công ty Tài chính Điện lực; có đủ kiến thức để xác định được các dấu hiệu gian lận, có kiến thức về rủi ro trong hoạt động ngân hàng và các biện pháp kiểm soát công nghệ thông tin để thực hiện công việc được giao. Kiểm toán nội bộ phải có ít nhất một kiểm toán viên đủ kiến thức, trình độ, kỹ năng thực hiện kiểm soát công nghệ thông tin then chốt và kỹ thuật kiểm toán công nghệ cao.
- 2- Phạm vi kiểm toán nội bộ
- a) Kiểm toán tất cả các hoạt động, các quy trình nghiệp vụ và các đơn vị, bộ phận Công ty Tài chính Điện lực.
 - b) Kiểm toán đột xuất và tư vấn theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc.
- 3- Báo cáo kiểm toán nội bộ
- a) Kiểm toán nội bộ của Công ty Tài chính Điện lực phải kịp thời lập, hoàn thành và gửi báo cáo kiểm toán cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và đơn vị, bộ phận được kiểm toán trong thời hạn tối đa không quá 01 (một) tháng, kể từ ngày kết thúc mỗi cuộc kiểm toán.
 - b) Báo cáo kiểm toán phải trình bày rõ: nội dung kiểm toán, phạm vi kiểm toán; những đánh giá, kết luận về nội dung đã được kiểm toán và cơ sở đưa ra các ý kiến này; các yếu kém, tồn tại, các sai sót, vi phạm, các ý kiến giải trình của đối tượng kiểm toán; kiến nghị các biện pháp sửa chữa, khắc phục sai sót và xử lý vi phạm; đề xuất các biện pháp hợp lý hóa, cải tiến quy trình nghiệp vụ; hoàn thiện chính sách quản lý rủi ro, cơ cấu tổ chức của Công ty Tài chính Điện lực (nếu có).
 - c) Báo cáo kiểm toán phải có ý kiến của ban lãnh đạo đơn vị, bộ phận được kiểm toán. Trong trường hợp đơn vị được kiểm toán không thống nhất với kết quả kiểm toán, báo cáo kiểm toán nội bộ cần nêu rõ ý kiến không thống nhất của đơn vị và lý do.
- 4- Trưởng Kiểm toán nội bộ phải báo cáo đột xuất theo quy định sau:
- a) Báo cáo ngay cho Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty Tài chính Điện lực Ngân hàng Nhà nước nếu phát hiện các sai phạm nghiêm trọng hoặc khi nhận thấy có nguy cơ rủi ro cao có thể ảnh hưởng xấu đến hoạt động của Công ty Tài chính Điện lực.

- b) Thông báo kịp thời cho người điều hành đơn vị có hoạt động được kiểm toán nếu các tồn tại nêu trong báo cáo kiểm toán không được sửa chữa và khắc phục kịp thời sau một khoảng thời gian quy định.
- c) Sau khi đã thông báo cho người điều hành đơn vị có hoạt động được kiểm toán theo quy định tại điểm b khoản này, nếu các tồn tại vẫn chưa được sửa chữa và khắc phục, phải báo cáo kịp thời bằng văn bản cho Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc của Công ty Tài chính Điện lực.

Điều 64. Chế độ Tài chính

- 1- Công ty Tài chính Điện lực chấp hành chế độ tài chính theo quy định của pháp luật.
- 2- Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc Công ty Tài chính Điện lực chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước các cơ quan quản lý Nhà nước về việc chấp hành chế độ tài chính của Công ty Tài chính Điện lực.

Điều 65. Sử dụng vốn

- 1- Công ty Tài chính Điện lực được sử dụng vốn để phục vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cố định theo quy định của pháp luật.
- 2- Công ty Tài chính Điện lực được quyền thay đổi cơ cấu vốn và tài sản phục vụ cho việc phát triển hoạt động theo quy định của pháp luật.
- 3- Công ty Tài chính Điện lực được điều động vốn và tài sản giữa các công ty con có tư cách pháp nhân, hạch toán độc lập theo quy định của pháp luật.

Điều 66. Các Quỹ

Công ty Tài chính Điện lực được trích lập các quỹ sau:

- 1- Quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều lệ;
- 2- Quỹ dự phòng Tài chính;
- 3- Quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ;
- 4- Quỹ khen thưởng;
- 5- Quỹ phúc lợi;
- 6- Các Quỹ khác phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà Nước và các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 67. Kế toán và Thuế

- 1- Công ty Tài chính Điện lực thực hiện chế độ kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật.
- 2- Năm Tài chính của Công ty Tài chính Điện lực bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Năm Tài chính đầu tiên bắt đầu kể từ ngày khai trương hoạt động và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

- 3- Công ty Tài chính Điện lực lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty Tài chính Điện lực phải lập sổ kế toán theo loại hình kinh doanh. Các sổ sách đó phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch.
- 4- Công ty Tài chính Điện lực thực hiện hạch toán theo hệ thống tài khoản kế toán do Ngân hàng Nhà nước quy định.

CHƯƠNG XVIII. BÁO CÁO HÀNG NĂM, TRÁCH NHIỆM CUNG CẤP THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 68. Báo cáo

- 1- Công ty Tài chính Điện lực phải thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và báo cáo hoạt động nghiệp vụ định kỳ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
- 2- Ngoài báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này, Công ty Tài chính Điện lực có trách nhiệm báo cáo kịp thời bằng văn bản với Ngân hàng Nhà nước trong các trường hợp sau đây:
 - a) Phát sinh diễn biến không bình thường trong hoạt động nghiệp vụ có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh doanh Công ty Tài chính Điện lực;
 - b) Có thay đổi về tổ chức, quản trị, điều hành, tình hình tài chính của cổ đông lớn và các thay đổi khác có ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của Công ty Tài chính Điện lực.
- 3- Công ty con, công ty liên kết của Công ty Tài chính Điện lực có trách nhiệm gửi báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động của mình cho Ngân hàng Nhà nước khi được yêu cầu.
- 4- Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Công ty Tài chính Điện lực phải gửi Ngân hàng Nhà nước các báo cáo hằng năm theo quy định của pháp luật.

Điều 69. Công bố và thông báo

- 1- Các báo cáo Tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được gửi cho cơ quan thuế có thẩm quyền và Ngân hàng Nhà nước cũng như phải được công bố trong vòng 120 ngày (một trăm hai mươi) kể từ khi kết thúc năm Tài chính theo quy định của pháp luật.
- 2- Trong vòng 120 (một trăm hai mươi) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Công ty Tài chính Điện lực phải công khai báo cáo Tài chính của mình theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIX. KIỂM TOÁN CÔNG TY TÀI CHÍNH ĐIỆN LỰC

Điều 70. Kiểm toán độc lập

- 1- Trước khi kết thúc năm tài chính, Công ty Tài chính Điện lực phải lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước để kiểm toán các hoạt động của mình trong năm tài chính tiếp theo. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập, Công ty Tài chính Điện lực phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước về tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn.
- 2- Công ty Tài chính Điện lực sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo kế toán hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc mỗi năm tài chính.
- 3- Tổ chức kiểm toán độc lập của Công ty Tài chính Điện lực sẽ kiểm tra, xác thực và báo cáo trên cơ sở báo cáo kế toán hàng năm các khoản thu chi của Công ty Tài chính Điện lực và phải chuẩn bị Báo cáo Kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng Quản trị trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày kết thúc mỗi năm Tài chính.
- 4- Một bản sao của Báo cáo Kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty Tài chính Điện lực .
- 5- Kiểm toán viên của tổ chức kiểm toán độc lập có thể được mời tham dự các cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông và thu thập các thông báo và các thông tin khác liên quan đến bất kỳ cuộc họp nào mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề của Đại hội có liên quan đến kiểm toán viên.
- 6- Việc kiểm toán cụ thể các hoạt động của Công ty Tài chính Điện lực được thực hiện theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, pháp luật về kiểm toán độc lập và văn bản hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.
- 7- Công ty Tài chính Điện lực phải thực hiện kiểm toán độc lập lại trong trường hợp báo cáo kiểm toán có ý kiến ngoại trừ của tổ chức kiểm toán độc lập.

CHƯƠNG XX. KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT, TỔ CHỨC LẠI, PHÁ SẢN, GIẢI THỂ VÀ THANH LÝ

Điều 71. Báo cáo khó khăn về khả năng chi trả và kiểm soát đặc biệt

- 1- Trong trường hợp Công ty Tài chính Điện lực có nguy cơ mất khả năng chi trả cho khách hàng của mình, Công ty Tài chính Điện lực phải báo cáo ngay với Ngân hàng Nhà nước về thực trạng tài chính, nguyên nhân và các biện pháp đã áp dụng, dự kiến áp dụng để khắc phục.
- 2- Công ty Tài chính Điện lực có thể bị Ngân hàng Nhà nước đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt trong những trường hợp sau:
 - a) Có nguy cơ mất khả năng chi trả;

- b) Nợ không có khả năng thu hồi và có nguy cơ mất khả năng thanh toán;
 - c) Khi số lỗ lũy kế của Công ty Tài chính Điện lực lớn hơn 50% (năm mươi phần trăm) giá trị thực của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - d) Hai năm liên tục bị xếp loại yếu kém theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;
 - e) Không duy trì được tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 130 của Luật các tổ chức tín dụng trong thời hạn một năm liên tục hoặc tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu thấp hơn 4% (bốn phần trăm) trong thời hạn 06 (sáu) tháng liên tục.
- 3- Trường hợp cấp bách, để đảm bảo khả năng chi trả tiền gửi hoặc tiền lãi của khách hàng, Công ty Tài chính Điện lực có thể được các tổ chức tín dụng khác hoặc Ngân hàng Nhà nước cho vay đặc biệt. Khoản vay đặc biệt này sẽ được ưu tiên hoàn trả trước tất cả các khoản nợ khác của Công ty Tài chính Điện lực.
- 4- Trường hợp Công ty Tài chính Điện lực bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, Ban kiểm soát đặc biệt có quyền:
- a) Đình chỉ hoạt động không phù hợp với phương án củng cố tổ chức và hoạt động đã được thông qua, vi phạm quy định về an toàn trong hoạt động ngân hàng có thể gây tổn hại đến lợi ích của người gửi tiền.
 - b) Đình chỉ, tạm đình chỉ quyền quản trị, kiểm soát, điều hành của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc nếu xét thấy cần thiết.
 - c) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc miễn nhiệm, đình chỉ công tác đối với người có hành vi vi phạm pháp luật, không chấp hành phương án củng cố tổ chức và hoạt động đã được thông qua;
 - d) Kiến nghị Ngân hàng Nhà nước quyết định gia hạn hoặc chấm dứt thời hạn kiểm soát đặc biệt
 - e) Yêu cầu Công ty Tài chính Điện lực nộp đơn yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản.

Điều 72. Tổ chức lại Công ty Tài chính Điện lực

Công ty Tài chính Điện lực được tổ chức lại dưới hình thức chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.

Điều 73. Phá sản Công ty Tài chính Điện lực

Việc phá sản Công ty Tài chính Điện lực thực hiện theo quy định tại Điều 155 của Luật các tổ chức tín dụng và pháp luật về phá sản.

Điều 74. Giải thể Công ty Tài chính Điện lực

Công ty Tài chính Điện lực bị giải thể trong các trường hợp sau:

- 1- Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định giải thể và chấm dứt hoạt động Công ty Tài chính Điện lực theo quy định của pháp luật và được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận;
- 2- Khi hết hạn hoạt động, Công ty Tài chính Điện lực không xin gia hạn giấy phép hoạt động hoặc xin gia hạn nhưng không được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận;
- 3- Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty Tài chính Điện lực.

Điều 75. Thanh lý tài sản Công ty Tài chính Điện lực

- 1- Trường hợp Công ty Tài chính Điện lực bị tuyên bố phá sản, việc thanh lý tài sản của Công ty Tài chính Điện lực được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.
- 2- Khi giải thể theo Điều 74 của Điều lệ này, Công ty Tài chính Điện lực tiến hành thanh lý tài sản dưới sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước.
- 3- Trong quá trình giám sát thanh lý tài sản Công ty Tài chính Điện lực quy định tại khoản 2 Điều này, nếu phát hiện Công ty Tài chính Điện lực không có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định chấm dứt thanh lý và yêu cầu Công ty Tài chính Điện lực nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản theo quy định tại Điều 155 của Luật các tổ chức tín dụng.
- 4- Mọi chi phí liên quan đến việc thanh lý tài sản do Công ty Tài chính Điện lực chịu.

CHƯƠNG XXI. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 76. Giải quyết Tranh chấp Nội bộ

- 1- Bất cứ khi nào một sự tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới công việc của Công ty Tài chính Điện lực hay tới quyền của các cổ đông nảy sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn thực hiện hiện hành và bất kỳ luật hoặc các quy định hành chính nào khác quy định, giữa:
 - a) Một cổ đông hay các cổ đông và Công ty Tài chính Điện lực; hoặc
 - b) Bất kỳ cổ đông hay các cổ đông và Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc hay Cán bộ Quản lý.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải.

- Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 21 (hai mươi một) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào đều có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền để giải quyết.
- 2- Nếu không có quyết định nào đạt được trong hoà giải trong vòng 4 (bốn) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của hoà giải viên không được các bên chấp nhận, bất kỳ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Toà án Kinh tế.
 - 3- Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.

CHƯƠNG XXII. THÔNG TIN VÀ BẢO MẬT

Điều 77. Thông tin Định kỳ

- 1- Công ty Tài chính Điện lực được trao đổi thông tin với các tổ chức tín dụng khác về hoạt động Tài chính - Ngân hàng và về khách hàng.
- 2- Công ty Tài chính Điện lực có trách nhiệm báo cáo, cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước các thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước và được Ngân hàng Nhà nước cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động Công ty Tài chính Điện lực của những khách hàng có quan hệ với Công ty Tài chính Điện lực.

Điều 78. Nghĩa vụ bảo mật

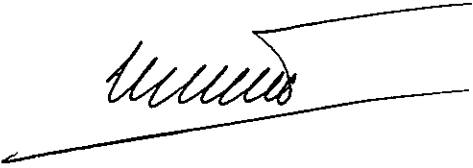
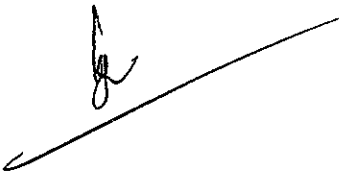
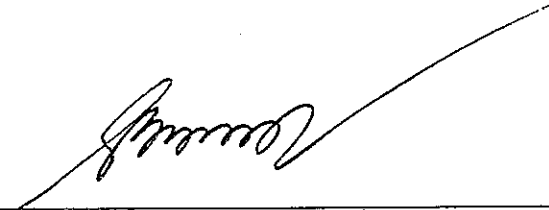
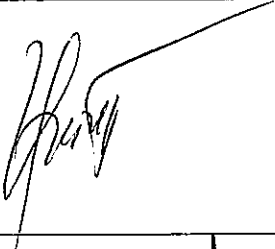
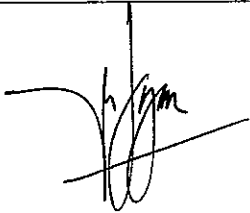

- 1- Nhân viên, người quản lý, người điều hành của Công ty Tài chính Điện lực và những người có liên quan không được tiết lộ bí mật kinh doanh của Công ty Tài chính Điện lực mà mình biết.
- 2- Công ty Tài chính Điện lực phải đảm bảo bí mật thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi và các giao dịch của khách hàng tại Công ty tài chính Điện lực.
- 3- Công ty Tài chính Điện lực không được cung cấp thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi, các giao dịch của khách hàng tại Công ty Tài chính Điện lực cho tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

CHƯƠNG XXIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 79. Điều khoản thi hành

- 1- Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- 2- Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty Tài chính Điện lực chưa được đề cập trong Điều lệ này, hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty Tài chính Điện lực.

**CHỮ KÝ CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY TÀI CHÍNH ĐIỆN LỰC**

HỌ TÊN	CHỮ KÝ
1. Ông Hoàng Văn Ninh	
2. Ông Hoàng Văn Tuyền	
3. Ông Bùi Xuân Dũng	
4. Bà Nguyễn Thị Hương	
5. Ông Nguyễn Ngọc Thái Bình	
6. Ông Cao Sỹ Nghị	

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	1
Điều 1. Định nghĩa	1
 CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TÀI CHÍNH ĐIỆN LỰC	4
Điều 2. Tên, địa chỉ và thời gian hoạt động của Công ty Tài chính Điện lực.....	4
 CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHẠM VI KINH DOANH CỦA CÔNG TY TÀI CHÍNH ĐIỆN LỰC	4
Điều 3. Mục tiêu và ngành, nghề kinh doanh của Công ty Tài chính Điện lực	4
Điều 4. Hoạt động ngân hàng của Công ty Tài chính Điện lực	5
Điều 5. Mở tài khoản của Công ty Tài chính Điện lực	5
Điều 6. Góp vốn, mua cổ phần của Công ty Tài chính Điện lực	6
Điều 7. Các hoạt động kinh doanh khác của Công ty Tài chính Điện lực.....	6
Điều 8. Xét duyệt cho vay, kiểm tra và xử lý	7
Điều 9. Đảm bảo an toàn.....	7
 CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ VÀ VỐN HOẠT ĐỘNG	7
Điều 10. Vốn Điều lệ	7
Điều 11. Thay đổi vốn Điều lệ.....	8
Điều 12. Vốn hoạt động của Công ty Tài chính Điện lực.....	8
 CHƯƠNG V. CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU	9
Điều 13. Cổ phần, cổ đông.....	9
Điều 14. Giới hạn sở hữu cổ phần.....	9
Điều 15. Cổ phiếu	10
Điều 16. Chào bán, chuyển nhượng và mua lại cổ phần.....	11
 CHƯƠNG VI. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ	12
Điều 17. Cơ cấu tổ chức quản lý	12
 CHƯƠNG VII. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	12
Điều 18. Sổ đăng ký cổ đông	12
Điều 19. Quyền hạn của cổ đông	13
Điều 20. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông.....	14
Điều 21. Đại hội đồng cổ đông thường niên	15
Điều 22. Đại hội đồng cổ đông bất thường	15
Điều 23. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 24. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 25. Ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 26. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, Chương trình họp và thông báo.....	18
Điều 27. Các điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông và Biên bản	19

Điều 28. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:	21
Điều 29. Hủy bỏ các quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	22

CHƯƠNG VIII. ĐIỀU KHOẢN CHUNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC	22
Điều 30. Nhiệm vụ chung	22
Điều 31. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ	23
Điều 32. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ.....	24
Điều 33. Đương nhiên mất tư cách	25
Điều 34. Miễn nhiệm, bãi nhiệm.....	26
Điều 35. Đình chỉ, tạm đình chỉ chức danh Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc	26

CHƯƠNG IX. CÁC QUYỀN, NGHĨA VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG KHAI LỢI ÍCH LIÊN QUAN CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH.....	27
Điều 36. Quyền, nghĩa vụ của người quản lý, người điều hành Công ty Tài chính Điện lực... 27	27
Điều 37. Trách nhiệm công khai các lợi ích liên quan.....	28

CHƯƠNG X. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	28
Điều 38. Thành phần và Nhiệm kỳ	28
Điều 39. Quyền hạn và Nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị	29
Điều 40. Quyền hạn, nhiệm vụ của Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị.....	31
Điều 41. Tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng Quản trị.....	32
Điều 42. Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị	33
Điều 43. Thay thế thành viên Hội đồng Quản trị.....	33
Điều 44. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị	34
Điều 45. Bộ máy giúp việc của Hội đồng Quản trị.....	37

CHƯƠNG XI. TỔNG GIÁM ĐỐC	37
Điều 46. Tổng Giám đốc.....	37
Điều 47. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc	38
Điều 48. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	38
Điều 49. Tiêu chuẩn của Tổng Giám đốc	39

CHƯƠNG XII. BAN KIỂM SOÁT	40
Điều 50. Thành phần, nhiệm kỳ và cơ cấu Ban kiểm soát.....	40
Điều 51. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát	40
Điều 52. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát	41
Điều 53. Tiêu chuẩn của thành viên Ban Kiểm soát.....	43
Điều 54. Thay thế thành viên Ban Kiểm soát	43

CHƯƠNG XIII. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY TÀI CHÍNH ĐIỆN LỰC.....	44
--	-----------

Điều 55. Thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch, điểm giao dịch	44
Điều 56. Cơ cấu tổ chức trụ sở chính.....	44
Điều 57. Bộ máy tham mưu giúp việc Tổng Giám đốc	44

CHƯƠNG XIV. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY TÀI CHÍNH	
DIỆN LỰC	45
Điều 58. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	45

CHƯƠNG XV. NGƯỜI LAO ĐỘNG	45
Điều 59. Người lao động.....	45

CHƯƠNG XVI. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN.....	46
Điều 60. Cổ tức	46

CHƯƠNG XVII. HỆ THỐNG KIỂM TRA VÀ KIỂM SOÁT, KIỂM TOÁN NỘI BỘ, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH, HỆ THỐNG KẾ TOÁN	47
Điều 61. Hệ thống kiểm soát nội bộ.....	47
Điều 62. Kiểm toán nội bộ	47
Điều 63. Các nguyên tắc cơ bản của kiểm toán nội bộ, phạm vi kiểm toán nội bộ, báo cáo kiểm toán nội bộ	47
Điều 64. Chế độ Tài chính	49
Điều 65. Sử dụng vốn.....	49
Điều 66. Các Quỹ	49
Điều 67. Kế toán và Thuế	49

CHƯƠNG XVIII. BÁO CÁO HÀNG NĂM, TRÁCH NHIỆM CUNG CẤP THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG.....	50
Điều 68. Báo cáo	50
Điều 69. Công bố và thông báo.....	50

CHƯƠNG XIX. KIỂM TOÁN CÔNG TY TÀI CHÍNH DIỆN LỰC.....	51
Điều 70. Kiểm toán độc lập.....	51

CHƯƠNG XX. KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT, TỔ CHỨC LẠI, PHÁ SẢN, GIẢI THỂ VÀ THANH LÝ.....	51
Điều 71. Báo cáo khó khăn về khả năng chi trả và kiểm soát đặc biệt.....	51
Điều 72. Tổ chức lại Công ty Tài chính Điện lực	52
Điều 73. Phá sản Công ty Tài chính Điện lực	52
Điều 74. Giải thể Công ty Tài chính Điện lực	53
Điều 75. Thanh lý tài sản Công ty Tài chính Điện lực	53

CHƯƠNG XXI. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	53
Điều 76. Giải quyết Tranh chấp Nội bộ	53

CHƯƠNG XXII. THÔNG TIN VÀ BẢO MẬT	54
Điều 77. Thông tin Định kỳ	54
Điều 78. Nghĩa vụ bảo mật	54
CHƯƠNG XXIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	55
Điều 79. Điều khoản thi hành	55

